

Khóa luận tốt nghiệp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: Kế toán kiểm toán

Sinh viên : Trịnh Thị Hoàng Oanh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

Khóa luận tốt nghiệp

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG
TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY
LẮP ĐIỆN QUANG LINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: Kế toán kiểm toán**

Sinh viên : Trịnh Thị Hoàng Oanh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

Khóa luận tốt nghiệp

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trịnh Thị Hoàng Oanh

Mã SV: 1013401066

Lớp: QTL 402K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán vốn bằng tiền.
- Phản ánh được thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng lắp điện Quang Linh.
- Đưa ra những nhận xét chung về công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm : 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN QUANG LINH

Khóa luận tốt nghiệp

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đồng Thị Nga**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trịnh Thị Hoàng Oanh

Đồng Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

Khóa luận tốt nghiệp

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ

Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khoá luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý.

Chương I: Tổng quan kế toán vốn bằng tiền

Nhìn chung, tác giả đã hệ thống hoá tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung nghiên cứu của đề tài. Trong phần này, tác giả đã cố gắng sử dụng những kiến thức mới cập nhật theo quyết định 48/2006-BTC và một số chuẩn mực kế toán về vốn bằng tiền

Chương II: Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần tư vấn xây lắp điện Quang Linh.

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả khá chi tiết và đầy đủ về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Quang Linh.. với số liệu năm 2011 tương đối hợp lý và có tính lôgic.

Chương III: Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Quang Linh.

Tác giả đã có được những đánh giá tương đối khách quan, xác thực về việc tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Quang Linh. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,75 điểm (Chín phẩy bảy năm điểm)

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Họ tên và chữ ký)

Đông Thị Nga

LỜI MỞ ĐẦU

Đất nước ta đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế với nhiều biến chuyển to lớn ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp trong nước. Nền kinh tế với những thay đổi mạnh mẽ và những bước phát triển vượt bậc đem đến cho các doanh nghiệp không ít lợi thế và đi kèm với nó là cả những khó khăn thách thức, phải cạnh tranh gay gắt để có được chỗ đứng trên thị trường. Muốn đứng vững trên thị trường và làm ăn có hiệu quả thì doanh nghiệp phải có một nguồn vốn nhất định không ngừng biến đổi cả về hình thái lẫn qu mô qua mỗi giai đoạn vận động. Vốn được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: vốn bằng tiền, vốn bằng sức lao động, vốn bằng công nghệ kỹ thuật... Trong đó vốn bằng tiền đóng vai trò rất quan trọng.

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp thực hiện và hoàn thành quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Do đó, yêu cầu đặt ra cho các nhà quản lý kinh tế là phải tổ chức tốt khâu quản lý, giám sát tình hình biến động tài sản, nguồn vốn trong doanh nghiệp đồng thời chú trọng đến công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền vì nếu làm tốt công tác này sẽ giúp cho nhà quản lý nhìn nhận đúng thực trạng sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, nắm bắt được các thông tin kịp thời, chính xác để có các biện pháp phù hợp nhằm tiết kiệm tối đa chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh với sự giúp đỡ tận tình của cô Đồng Thị Nga và bộ phận kế toán của công ty em đã đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: ***“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh”***.

CHƯƠNG I:

TỔNG QUAN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

I. Khái niệm vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vốn bằng tiền đứng đầu trong hệ thống tài khoản nhờ khả năng thanh toán kịp thời và tính linh hoạt của nó.

II. Phân loại vốn bằng tiền

2.1 Theo địa điểm bảo quản:

-Tiền mặt tại quỹ: tiền Việt nam, ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý được giữ tại két của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi dùng trực tiếp trong hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp.

-TGNH: tiền Việt nam, ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý được gửi tại tài khoản của doanh nghiệp trong ngân hàng .

-Tiền đang chuyên: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

2.2 Theo hình thức tồn tại:

-Tiền Việt Nam: là các loại giấy bạc do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

-Tiền ngoại tệ: là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như đôla Mỹ(USD), bảng Anh(GBP), đồng yên Nhật(JPY).

Vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu: là tiền thực chất nhưng được lưu trữ

vì mục đích an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

III. Đặc điểm vốn bằng tiền

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Vì vậy quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ.

Vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận ăn cắp. Bởi vậy trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

IV. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

3.1 Vai trò:

Vốn bằng tiền có một vai trò rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền được sử dụng trong việc mua sắm hàng hóa hoặc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp. Thiếu vốn là một trong những khó khăn trở ngại đến sự phát triển của doanh nghiệp. Trong mọi hoạt động của doanh nghiệp việc quản lý và sử dụng vốn là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vì vậy việc quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết.

Kế toán cung cấp các thông tin tài chính giúp cho giám đốc và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để khắc phục.

3.2 Nhiệm vụ:

Khóa luận tốt nghiệp

- Phản ánh kịp thời các khoản thu chi vốn bằng tiền, thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thường xuyên với thủ quỹ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của vốn bằng tiền.
- Phản ánh tình hình tăng giảm, sử dụng TGNH hàng ngày, việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.
- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí, sai chế độ, phát hiện các chênh lệch vốn bằng tiền.
- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo an toàn tiền tệ.

V. Yêu cầu của quản lý vốn bằng tiền

- Phản ánh đầy đủ, chính xác kịp thời tình hình biến động của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và phải đi kèm với các chứng từ hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền của doanh nghiệp phải đúng mục đích đúng chế độ và tuân thủ nguyên tắc chuẩn mực kế toán hiện hành.

VI. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đồng Việt Nam do NHNN Việt Nam phát hành trừ trường hợp được phép sử dụng đơn vị tiền tệ thông dụng khác.
- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá giao

Khóa luận tốt nghiệp

dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do NHNN Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các TK 515, 635-doanh thu, chi phí tài chính hoặc phản ánh vào TK 413 "Chênh lệch tỷ giá hối đoái".

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 "Ngoại tệ các loại" (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

-Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý. Vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ từng loại. Giá trị của vàng bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán). Vàng bạc, đá quý nhận ký quỹ, ký cược theo giá nào thì xuất trả theo giá đó).

Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho là: bình quân gia quyền, LIFO, FIFO, phương pháp thực tế đích danh.

VII. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền

- Thực hiện ghi chép vào sổ sách kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu quản lý tại doanh nghiệp.

-Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Khóa luận tốt nghiệp

- Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

+ Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sxkd của doanh nghiệp, tính chất phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.

+ Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.

+ Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán.

+ Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán :

- Nhật ký- sổ cái
- Nhật ký chung
- Nhật ký chứng từ
- Chứng từ ghi sổ
- Kế toán máy

Mỗi hình thức đều có ưu nhược điểm riêng và chỉ thực sự phát huy tác dụng trong những điều kiện thích hợp.

VIII. Kế toán chi tiết các loại vốn bằng tiền

8.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý ...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ.

Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

Khóa luận tốt nghiệp

8.1.1 Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”. Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111:

Nợ	TK111	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt từ kỳ trước.		
<i>Phát sinh tăng :</i> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ; - Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền	<i>Phát sinh giảm</i> - Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ; - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối	
<i>Tổng PS tăng</i>		<i>Tổng PS giảm</i>
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt cuối kỳ này.		

Tài khoản 111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- *Tài khoản 1112 – Ngoại tệ:* Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 1113 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý:* Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

8.1.2 Chứng từ sử dụng

Khóa luận tốt nghiệp

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có uỷ quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu – chi.

- Phiếu thu (hoặc Phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên (đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu qui định), sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt (*riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị*) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

- Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng quyển và phải ghi số từng quyển dùng trong 1 năm. Trong mỗi phiếu thu(phiếu chi), số của từng phiếu thu(phiếu chi) phải đánh liên tục trong 1 kì kế toán.

- Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào tài khoản 111 còn cần các chứng từ gốc có liên quan khác kèm vào phiếu thu hoặc phiếu chi như: Giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hoá đơn bán hàng, biên lai thu tiền ...

- Ngoài ra, các sổ sách sử dụng để hạch toán chi tiết tiền mặt còn gồm có: Sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền (đối với hình thức kế toán nhật ký chung) hay các bảng kê chi tiết, sổ chi tiết các tài khoản liên quan,...

8.1.3 Nguyên tắc hạch toán

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

- Chỉ phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào Ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển”.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh

Khóa luận tốt nghiệp

nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán. Bên có được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hoá đặc biệt).

- Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài Bảng Cân đối kế toán).

- Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

+ Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, tài sản cố địnhdù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các

Khóa luận tốt nghiệp

ng nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

+ Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413- Chênh lệch tỷ giá.

+ Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của Ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413.

Kết cấu tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá:

Nợ	TK413	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý cuối kỳ trước.		<u>Số dư đầu kỳ:</u> Chênh lệch tỷ giá còn lại cuối kỳ trước.
<i>Phát sinh tăng :</i> <ul style="list-style-type: none">- Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải- Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.- Xử lý chênh lệch tỷ giá.		<i>Phát sinh giảm</i> <ul style="list-style-type: none">- Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu- Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.- Xử lý chênh lệch tỷ giá.
<i>Tổng PS tăng</i>		<i>Tổng PS giảm</i>
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý cuối kỳ này.		<u>Số dư cuối kỳ:</u> Chênh lệch tỷ giá còn lại cuối kỳ này.

Khóa luận tốt nghiệp

Kết cấu tài khoản 007 – Ngoại tệ các loại:

Bên Nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên Có: Ngoại tệ giảm trong kỳ.

Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có.

- Hạch toán thu đối với ngoại tệ: Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam

- Hạch toán chi đối với ngoại tệ: Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ và tỷ giá ngày phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên tài khoản 515 (nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc tài khoản 635 – Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá hối đoái):

- Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) (TK 4132) và của hoạt động sản xuất, kinh doanh (TK 4131)

c. Đối với tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý, đá quý:

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113).

Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo

giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: phương pháp giá đơn vị bình quân; FIFO; LIFO hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng bạc, đá quý lại có những đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng để tính giá vàng bạc, đá quý xuất dùng là chính xác nhất.

- Ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

8.1.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

a. Đối với tiền mặt là tiền Việt Nam

1. Thu tiền mặt do bán sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp lao vụ, dịch vụ nhập quỹ tiền mặt của đơn vị.

Trường hợp bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá bán chưa GTGT)

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

Khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tổng giá thanh toán)

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ (Tổng giá thanh toán)

2. Khi nhận được tiền của Ngân sách Nhà nước thanh toán về khoản trợ cấp, trợ giá

Khóa luận tốt nghiệp

bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 333 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339)

3. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động TC, thu nhập khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và DN nộp TGTGT theo phương pháp pháp khấu trừ (như: thu lãi đầu tư ngắn hạn, thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ,..) bằng tiền mặt nhập quỹ, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt (Tổng giá thanh toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 – Thu nhập khác (Giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

4. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bằng TM khi nhập quỹ, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

5. Rút TGNH về nhập quỹ TM, vay dài hạn, ngắn hạn, vay khác bằng tiền mặt (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ), ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 112 – TGNH(1121, 1122)

Có TK 311, 341,...(vay ngắn hạn, dài hạn)

6. Thu hồi các khoản nợ phải thu và nhập quỹ tiền mặt của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 111- Tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 136 – Phải thu nội bộ

Khóa luận tốt nghiệp

Có TK 138 – Phải thu khác (1388)

Có TK 141 – Thu hồi tạm ứng thừa

7. Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thu hồi các khoản tiền cho vay nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Có TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 138 – Phải thu khác

Có TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 228 – Đầu tư dài hạn khác

8. Nhận khoản ký quỹ, ký cược của các đơn vị khác bằng tiền mặt, ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (Khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn)

Có TK 344 – Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

9. Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3381)

10. Khi nhận được vốn do được giao, nhận vốn góp bằng tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

11. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 111 – Tiền mặt

12. Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán ngắn hạn, dài hạn hoặc đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh, ghi:

Khóa luận tốt nghiệp

Nợ TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Nợ TK 221 – Đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222 – Vốn góp liên doanh

Nợ TK 223 – Đầu tư vào công ty liên kết

Nợ TK 228 – Đầu tư dài hạn khác

Có TK 111 – Tiền mặt

13. Xuất quỹ tiền mặt đem đi ký quỹ, ký cược, ghi:

Nợ TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Nợ TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 111 – Tiền mặt

14. Xuất quỹ tiền mặt mua TSCĐ đưa ngay vào sử dụng:

Trường hợp mua TSCĐ về sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 211 – Tài sản cố định hữu hình (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 213 – TSCĐ vô hình (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 111 – Tiền mặt

- Trường hợp mua TSCĐ về sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, dự án được trang trải bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, dự án hoặc sử dụng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi, ghi:

Nợ các TK 211, 213,... (Tổng giá thanh toán)

Có TK 111 – Tiền mặt (Tổng giá thanh toán)

Nếu TSCĐ mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư XDCB hoặc Quỹ Đầu tư phát triển và được dùng vào SXKD, kế toán ghi tăng nguồn vốn kinh doanh. Khi quyết toán vốn

Khóa luận tốt nghiệp

đầu tư XDCCB được duyệt, ghi:

Nợ các TK 441, 414,...

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

15. Xuất quỹ tiền mặt chi cho hoạt động đầu tư XDCCB chi sửa chữa lớn TSCĐ phải qua lắp đặt để dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 – XDCCB dở dang

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 111 – Tiền mặt

16. Xuất quỹ tiền mặt mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa nhập kho để dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ (Theo phương pháp kê khai thường xuyên), ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 – Hàng hóa (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 157 – Hàng gửi đi bán

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – Tiền mặt

17. Xuất quỹ tiền mặt mua vật tư, hàng hóa dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ (Theo phương pháp kê khai thường xuyên), ghi:

Nợ TK 611 – Mua hàng (6111, 6112)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – Tiền mặt

18. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả, ghi:

Nợ TK 311 – Vay ngắn hạn

Khóa luận tốt nghiệp

Nợ TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nợ TK 334 – Phải trả người lao động

Nợ TK 336 – Phải trả nội bộ

Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác

Có TK 111 – Tiền mặt

19. Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ khi mua NVL sử dụng ngay vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng tiền mặt phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642,...

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – Tiền mặt

20. Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho hoạt động tài chính, hoạt động khác, ghi:

Nợ các TK 635, 811, ...

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111 – Tiền mặt

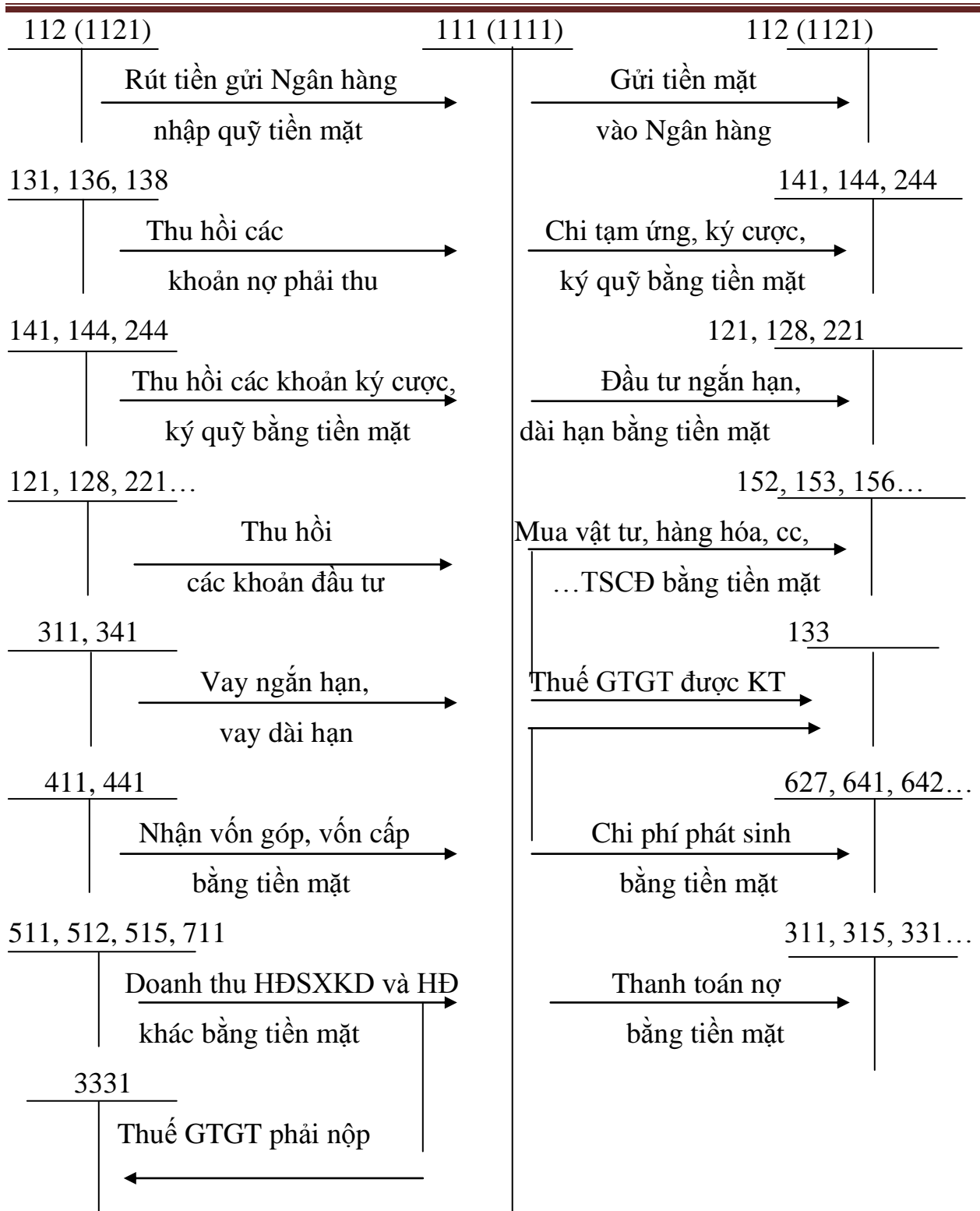
21. Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381)

Có TK 111 – Tiền mặt

Kế toán tổng hợp thu chi TM bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Khóa luận tốt nghiệp



Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)

b. Đối với tiền mặt là ngoại tệ:

1. Khi mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211... (Theo tỉ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642... (Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 111 (1112) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Khi nhận vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ của nhà cung cấp, hoặc khi vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn hoặc nhận nợ nội bộ,... bằng ngoại tệ, căn cứ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch, ghi:

Nợ các TK 152, 155, 156, 211, ... (Theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có các TK 331, 311, 341, 342, 336, ... (Theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

2. Khi thanh toán nợ phải trả:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342, ... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có K 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

Khóa luận tốt nghiệp

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có Tk 515 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

3. Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH)

Có các TK 511.515.711,... (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc TGGD BQLNH)

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

4. Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ, nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112) (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

5. Khi mua ngoài vật tư, dịch vụ, TSCĐ, thiết bị...

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241,... (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch bằng ngoại tệ thanh toán vật tư,

Khóa luận tốt nghiệp

dịch vụ, TSCĐ, thiết bị, khối lượng xây dựng, lắp đặt, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241, ... (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lãi tỷ giá)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

6. Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (nợ phải trả người bán, nợ vay dài hạn, ngắn hạn, nợ nội bộ (nếu có),...):

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342, ... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lỗ tỷ giá)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342, ... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 111 (1112) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

7. Ở thời điểm cuối năm hành chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư TK 111” Tiền mặt” có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 111 (1112)- TGNH

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

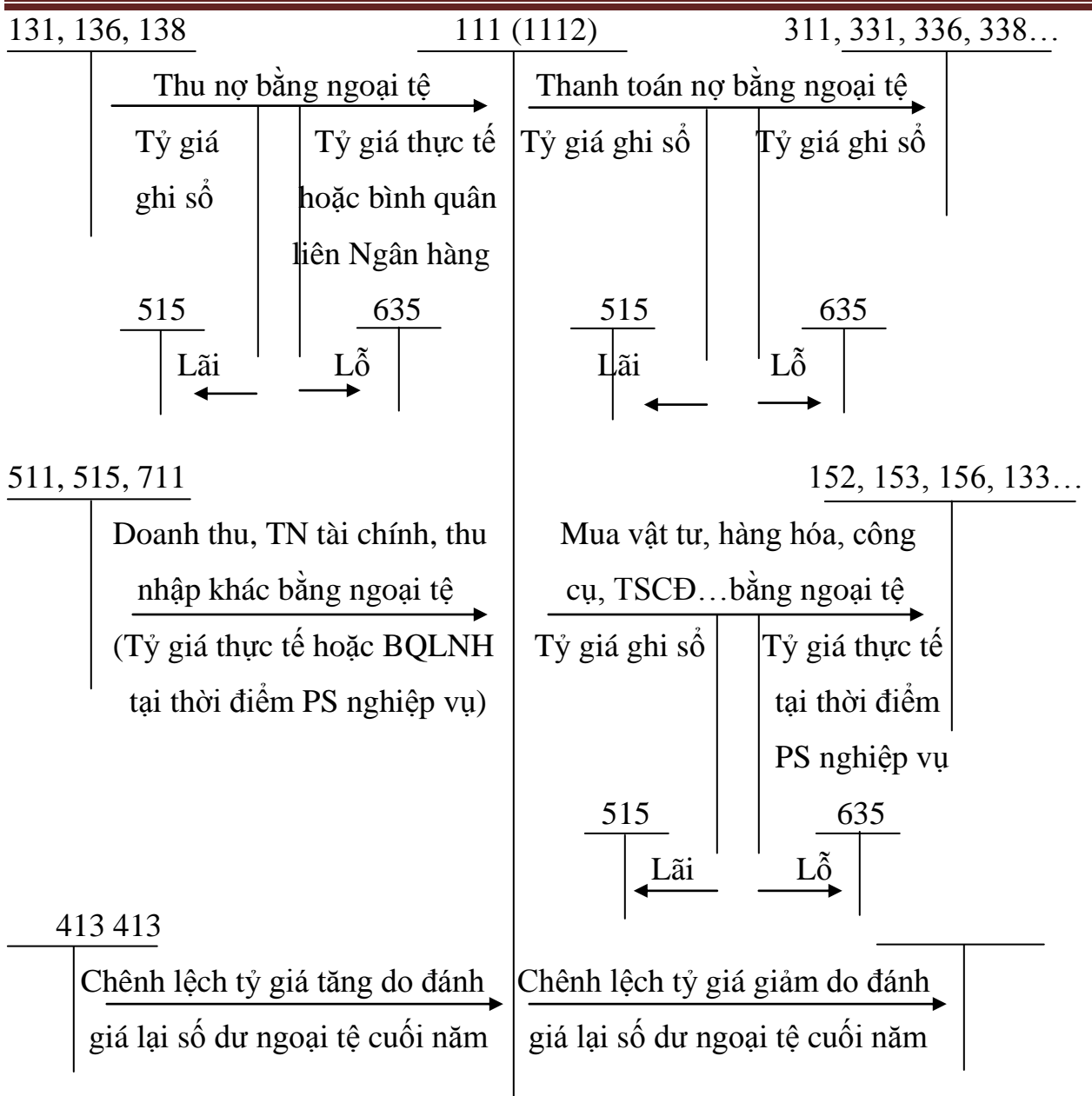
- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

Có TK 111 (1112)

Kế toán tổng hợp thu chi TM bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

Khóa luận tốt nghiệp



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại.

007

<p>Thu nợ bằng ngoại tệ</p> <p>- Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ</p>	<p>Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</p> <p>- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ</p>
---	--

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)

Khóa luận tốt nghiệp

8.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng (TGNH)

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các tổ chức khác được thực hiện chủ yếu qua Ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thoả thuận của doanh nghiệp với Ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại Ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại Ngân hàng bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng.

8.2.1 Tài khoản sử dụng

Hạch toán TGNH được thực hiện trên tài khoản 112. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

Nợ	TK112	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng tồn từ kỳ trước.		
<i>Phát sinh tăng :</i> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.		<i>Phát sinh giảm</i> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối
<i>Tổng PS tăng</i>		<i>Tổng PS giảm</i>
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại Ngân hàng cuối kỳ này.		

Khóa luận tốt nghiệp

Tài khoản 112 – TGNH, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1121 – Tiền Việt Nam*: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 1122 – Ngoại tệ*: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.
- *Tài khoản 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý*: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra, và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán TGNH sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

8.2.2 Chứng từ sử dụng

Giấy báo nợ, giấy báo có, bản sao kê, lệnh chuyển có, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc, Ngoài ra còn sử dụng các sổ sách tổng hợp liên quan :sổ tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ(bằng ngoại tệ),sổ chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng...

Trong hình thức Nhật ký chứng từ, số phát sinh bên Có TK 112 được phản ánh trên NKCT số 2, số phát sinh bên nợ TK 112 được phản ánh trên bảng kê số 2 – TK 112. Trong hình thức kế toán nhật ký chung, căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phản ánh vào nhật ký chung, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền. Đồng thời căn cứ vào nhật ký chung để vào sổ cái TK 112 và sổ cái các tài khoản liên quan.

8.2.3 Nguyên tắc hạch toán

a. Đối với TGNH là tiền Việt Nam

Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” là giấy báo Có, báo nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi, ...). Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch

Khóa luận tốt nghiệp

giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để xử lý kịp thời. Cuối tháng, nếu chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi số chênh lệch vào bên nợ TK138(1388) “Phải thu khác” hoặc ghi vào bên có TK 338 “ Phải trả, phải nộp khác” (3388) (Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau tiếp tục kiểm tra đối chiếu, xác minh làm rõ nguyên nhân để điều chỉnh.

Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (VND hoặc ngoại tệ các loại). Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng loại tiền gửi và chi tiết theo từng ngân hàng để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

b. Đối với TGNH là ngoại tệ

Trường hợp gửi tiền vào NH bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.

Trường hợp mua ngoại tệ gửi Ngân hàng thì phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả. Trường hợp rút TGNH bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá phản ánh trên sổ kế toán 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, FIFO, LIFO, thực tế đích danh.

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu PS chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515-doanh thu hoạt động tài chính(lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ TK635-chi phí hoạt động tài chính. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132).

Ngoài ra để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK 007-ngoại tệ các loại

Ở cuối năm tài chính doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch BQLNH do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ của hoạt động XDCB vào TK 413

c. Đối với TGNH là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

Đối với tiền gửi ngân hàng là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì nguyên tắc hạch toán giống với nguyên tắc tiền mặt là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

8.2.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

1. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 111 – Tiền mặt

2. Nhận giấy báo Có của ngân hàng về số tiền đã chuyển vào tài khoản, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 113 – Tiền đang chuyển

3. Nhận được tiền ứng trước hoặc khi khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

4. Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

5. Nhận vốn góp liên doanh, vốn góp cổ phần bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

6. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Khóa luận tốt nghiệp

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 344 – Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác (3388)

7. Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Giá vốn)

Có TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (lãi)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

8. Thu tiền bán hàng hóa dịch vụ, thu tư hoạt động tài chính và các khoản thu khác:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng (Tổng giá thanh toán)

Có 511 – Dthu BH và cung cấp DV(giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ (Giá bán chưa có thuếGTGT)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Khoản thu chưa có thuếGTGT)

Có TK 711 – Thu nhập khác (Thu nhập chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phía nộp (33311)

- Đối với các doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp bằng tiền gửi NH, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 511 _ Doanh thu bán hàng cung cấp DV (tổng giá tanh toán)

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ (Tổng giá thanh toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

9. Thu lãi tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Khóa luận tốt nghiệp

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

10. Rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

11. Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi ký quỹ, ký cược (dài hạn, ngắn hạn), ghi:

Nợ TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

Nợ TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

12. Chuyển tiền gửi Ngân hàng đi đầu tư tài chính ngắn hạn, ghi:

Nợ TK 121 – Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Nợ TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

13. Trả tiền mua vật tư, công cụ, hàng hóa về dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ủy nhiệm chi hoặc séc:

- Trường hợp kê toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, khi phát sinh, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 – Hàng hóa

Nợ TK 157 – Hàng gửi đi bán

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

- Trường hợp kê toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, khi phát sinh, ghi

Nợ TK 611 – Mua hàng

Khóa luận tốt nghiệp

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

14. Trả tiền mua TSCĐ, BĐS đầu tư, đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 – TSCĐ vô hình

Nợ TK 217 – Bất động sản đầu tư

Nợ TK 221 – Đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222 – Vốn góp liên doanh

Nợ TK 223 – Đầu tư vào công ty liên kết

Nợ TK 228 – Đầu tư dài hạn khác

Nợ TK 241 – XDCB dở dang

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1332 – nếu có)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

15. Thanh toán các khoản nợ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 311 – Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 – Phải trả người cho người bán

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nợ TK 336 – Phải trả nội bộ

Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác

Nợ TK 341 – Vay dài hạn

Nợ TK 342 – Nợ dài hạn

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Khóa luận tốt nghiệp

16. Trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp bằng TGNH, ghi:

Nợ TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Nợ các TK 414, 415, 418,...

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

17. Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cho người mua bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 531 – Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 532 – Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

18. Chi bằng tiền gửi Ngân hàng liên quan đến các khoản chi phí sử dụng máy thi công, chi phí SXC, CPBH, CPQLDN, CP hoạt động tài chính, chi phí khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 – Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

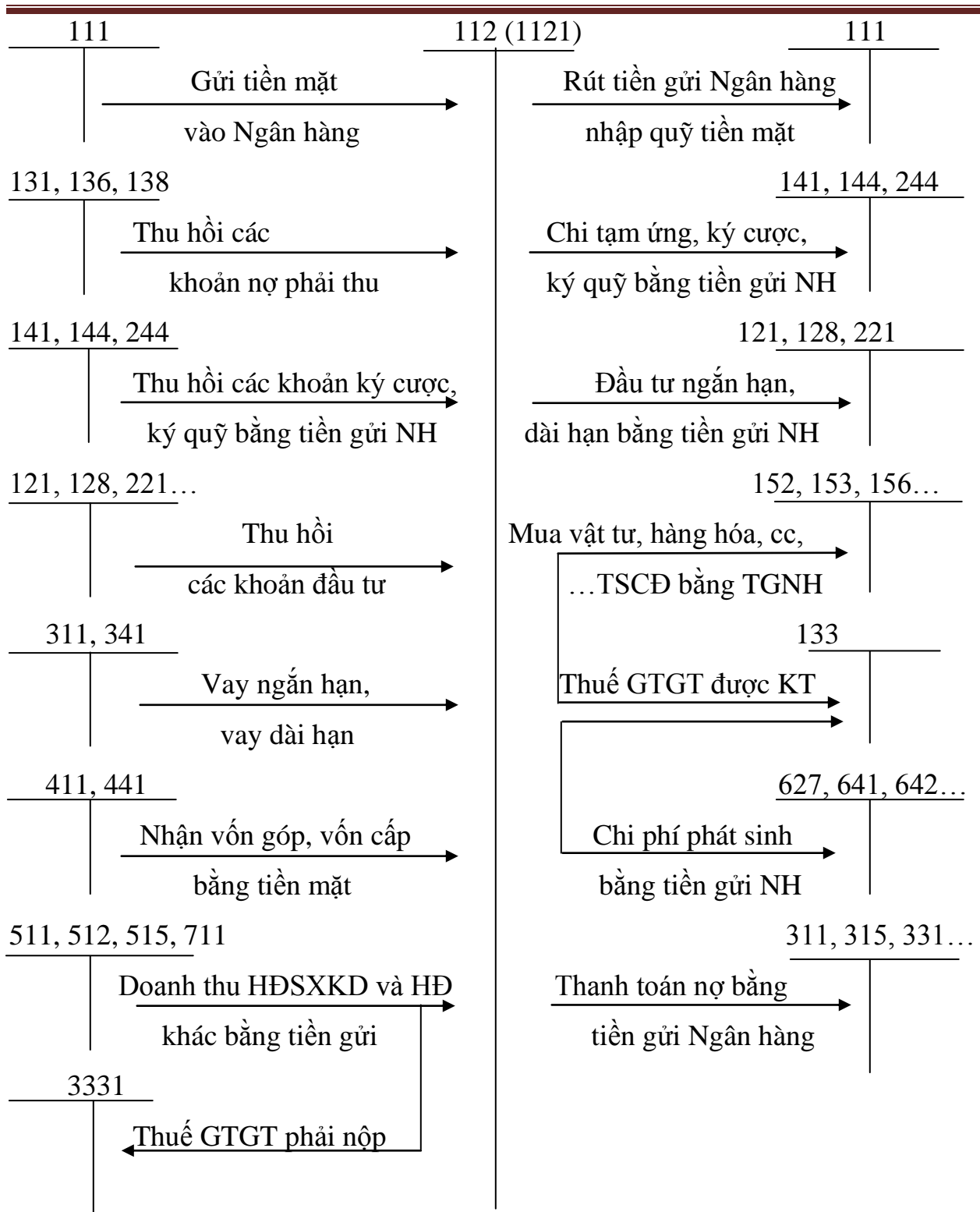
Nợ TK 811 – Chi phí khác

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng

Kế toán tổng hợp TGNH bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Khóa luận tốt nghiệp



Sơ đồ 1.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

b. Đối với TGNH là ngoại tệ

1. Khi mua vật tư hàng hóa dịch vụ , TSCĐ thanh toán bằng tiền gửi ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái khi mua vật tư, hàng hóa dịch vụ, TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 151,152,153,156,211,632,627,641,642....(theo TGHĐ ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái khi mua vật tư , hàng hóa dịch vụ, TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 151,152,153,156,211,632,627,641,642....(theo TGHĐ ngày giao dịch)

Có TK 112 (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảngCĐKT)

2. Khi thanh toán nợ phải trả (nợ phải trả người bán, nợ vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn, nợ nội bộ,...)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảngCĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (Theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảngCĐKT)

Khóa luận tốt nghiệp

3. Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 112 (1122) (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH)

Có các TK 511, 515, 711, ... (Tỷ giá giao dịch thực tế hoặc TGGD BQLNH)

Đồng thời ghi đơn bên *Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại* (TK ngoài bảng CĐKT)

4. Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ (Phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ...)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138, ... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên *Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại* (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 112 (1122) (Tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138, ... (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên *Nợ TK 007 – Ngoại tệ các loại* (TK ngoài bảng CĐKT)

5. Khi mua ngoài hàng hóa dịch vụ, vật tư thiết bị, TSCĐ...

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241, ... (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên *Có TK 007 – Ngoại tệ các loại* (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241, ... (Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 112 (1122) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lãi tỷ giá hối đoái)

Khóa luận tốt nghiệp

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

6. Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342, ... (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lỗ tỷ giá)

Có TK 112 (1122) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342, ... (Tỷ giá hối đoái ghi sổ kế toán)

Có TK 112 (1122) (Tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (Lãi tỷ giá)

Đồng thời ghi đơn bên Có TK 007 – Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng CĐKT)

7. Hằng năm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) cho đến khi hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản và được xử lý theo quy định.

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 112 (1122)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

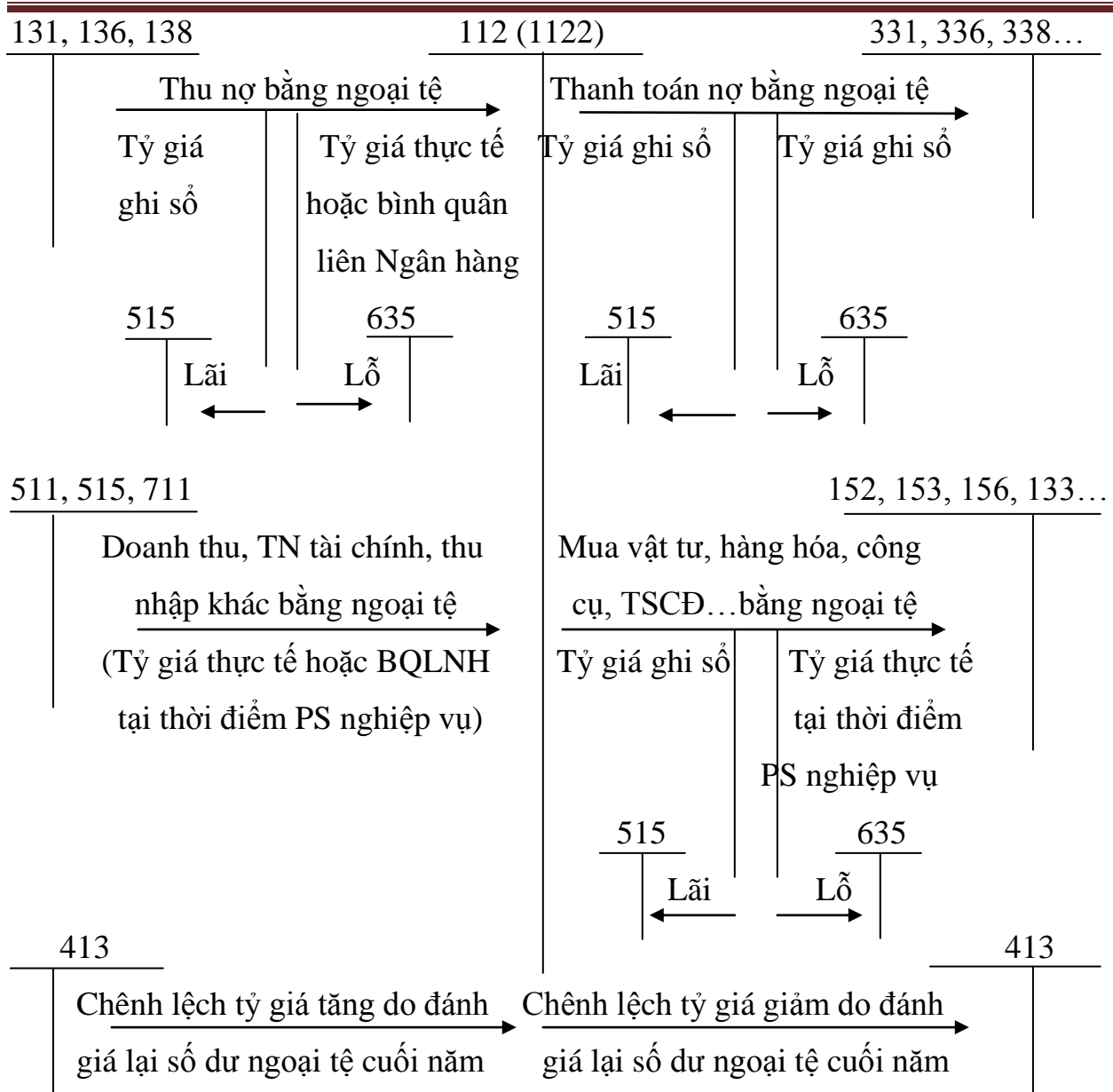
- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

Có TK 112(1122)

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.4) :

Khóa luận tốt nghiệp



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại.

007

Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ
---	--

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)

8.3 Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hoặc báo Có...

8.3.1 Tài khoản sử dụng

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113- “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

Khóa luận tốt nghiệp

Nợ	TK113	Có
<u>Số dư đầu kỳ:</u> Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ trước		
<i>Phát sinh tăng :</i> - Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.	<i>Phát sinh giảm</i> - Số kết chuyển vào Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan; - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.	
<i>Tổng PS tăng</i>	<i>Tổng PS giảm</i>	
<u>Số dư cuối kỳ:</u> Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ này.		

Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1131 – Tiền Việt Nam:* Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- *Tài khoản 1132 – Ngoại tệ:* Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

8.3.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

8.3.3 Nguyên tắc hạch toán

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

Khóa luận tốt nghiệp

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào Ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

8.3.4 Hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

1. Thu tiền bán hàng, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng (không qua quỹ) nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng (Thu nợ của khách hàng)

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

2. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Khóa luận tốt nghiệp

Có TK 111 – Tiền mặt (1111, 1112)

3. Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ở Ngân hàng để trả cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

4. Khách hàng trả trước tiền mua hàng bằng séc, đơn vị đã nộp séc vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

5. Ngân hàng báo Có các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng (1121, 1122)

Có TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

6. Ngân hàng báo Nợ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển cho người bán, người cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Có TK 113 – Tiền đang chuyển (1131, 1132)

7. Cuối niên độ kế toán, đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113” Tiền đang chuyển”.

- Nếu chênh lệch tỷ giá tăng, ghi:

Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển (1132)

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

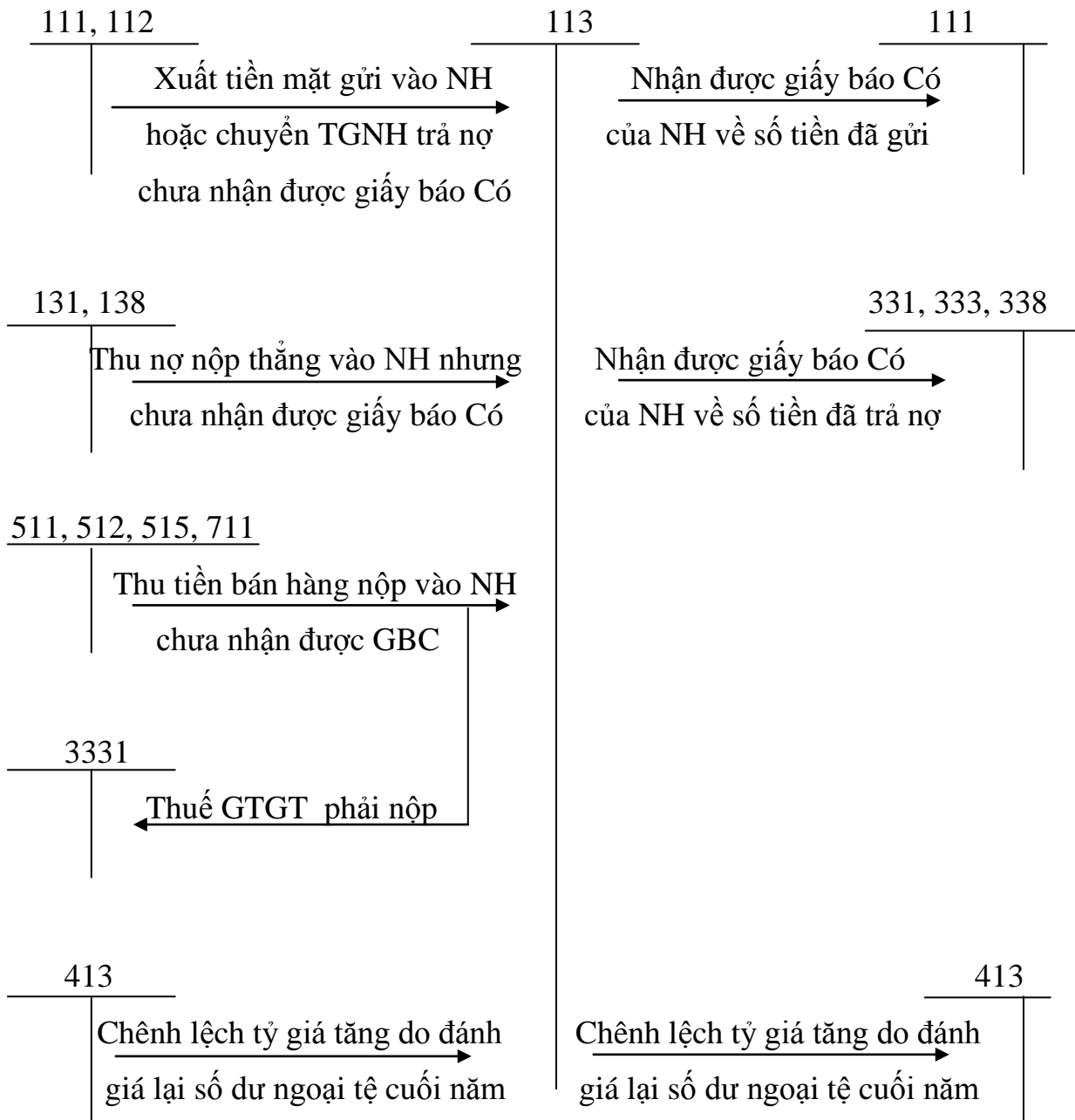
- Nếu chênh lệch tỷ giá giảm, ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 113 – Tiền đang chuyển (1132)

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:

Khóa luận tốt nghiệp



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền đang chuyển

CHƯƠNG II:

TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN QUANG LINH

I. Tổng quan về công ty

-Tên doanh nghiệp: *CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY LẮP ĐIỆN QUANG LINH*
(Được chuyển đổi từ Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh số GCN-ĐKKD: 0202001323 cấp ngày 10/06/2004).

-Tên viết tắt: QUANG LINH ELEC.,JSC

-Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.

-Địa chỉ trụ sở chính: Cụm 5 đường Lê Duẩn, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, Hải Phòng.

-Điện thoại: (031) 3777158

-Mã số thuế: 0200587963

Công ty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh được chuyển đổi từ công ty TNHH tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh. Đăng ký lần đầu , ngày 10 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 02 tháng 10 năm 2010. Do ba thành viên sáng lập là ông Hoàng Ngọc Quang, ông Nguyễn Trọng Linh và ông Hoàng Ngọc Qui. Công ty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh là tổ chức có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, được mở tài khoản tại ngân hàng và được mở tài khoản tại ngân hàng Công Thương và được sử dụng con dấu riêng theo quy định. Công ty có quy mô và loại hình vừa, nhỏ.

1.1 Chức năng, ngành nghề kinh doanh.

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	-Tư vấn đầu tư xây dựng điện. Tư vấn quy hoạch.Tư vấn thiết kế hệ thống điện chiếu sáng.	

Khóa luận tốt nghiệp

	-Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. -Kinh doanh vật tư thiết bị điện. -Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa thủy, bộ.	
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	42900
3	Bán buôn sắt, thép	46622
4	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	46631
5	Bán buôn xi măng	46632
6	Bán buôn gạch xây dựng, ngói, đá, cát, sỏi	46633
7	Bán buôn kính xây dựng	46634
8	Bán buôn sơn, vecni	46635
9	Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	46636
10	Bán buôn đồ ngũ kim	46637
11	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	23950
12	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	46510
13	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	46520
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	46530
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng	46591
16	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện	46592
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da dày	46593
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng	46594
19	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	46595
20	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
21	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống)	4512
22	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513

1.2 Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đạt được.

a. Thuận lợi

Do nền kinh tế đang tăng trưởng, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao cùng với chính sách đầu tư đã thúc đẩy việc kinh doanh của công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh ngày càng phát triển.

Qua những năm hoạt động công ty đã không ngừng trưởng thành và phát triển, cơ sở vật chất không ngừng nâng cao, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, trên cơ sở đó nắm bắt thông tin nhanh nhạy hơn. Với thái độ nhã nhặn, nhiệt tình chu đáo của nhân viên bán hàng đã thu hút được nhiều khách hàng,

Ngày nay, trong điều kiện đổi mới về mọi mặt và tầm quan trọng của việc hạch toán kế toán công ty đã xây dựng một mô hình gọn nhẹ là bộ máy kế toán năng động và gắn chặt với quá trình kinh doanh của công ty.

Với những thuận lợi trên công ty đã lấy đó là điều kiện để tồn tại và phát triển, cải thiện đời sống công nhân viên trong toàn công ty.

b. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên trong những năm hoạt động công ty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh cũng gặp không ít khó khăn. Do công ty thành lập và đi vào hoạt động trong nền kinh tế thị trường mở nên phải đương đầu nhiều hơn với những thách thức thị trường và các đối thủ cạnh tranh.

Về khách quan trong công tác kế toán của công ty còn tồn tại những mặt hạn chế cần khắc phục nhằm không ngừng củng cố và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán.

Tất cả những yếu tố trên đều có tác động trực tiếp, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Để công ty ngày càng phát triển, không tụt hậu so với thời đại thì công ty cần phải đưa ra những giải pháp để làm hoàn thiện những mặt còn tồn tại của công ty đồng thời cần đưa ra chiến lược định hướng một tương lai mới ngày càng phát triển.

Khóa luận tốt nghiệp

c. Thành tích đạt được trong những năm qua.

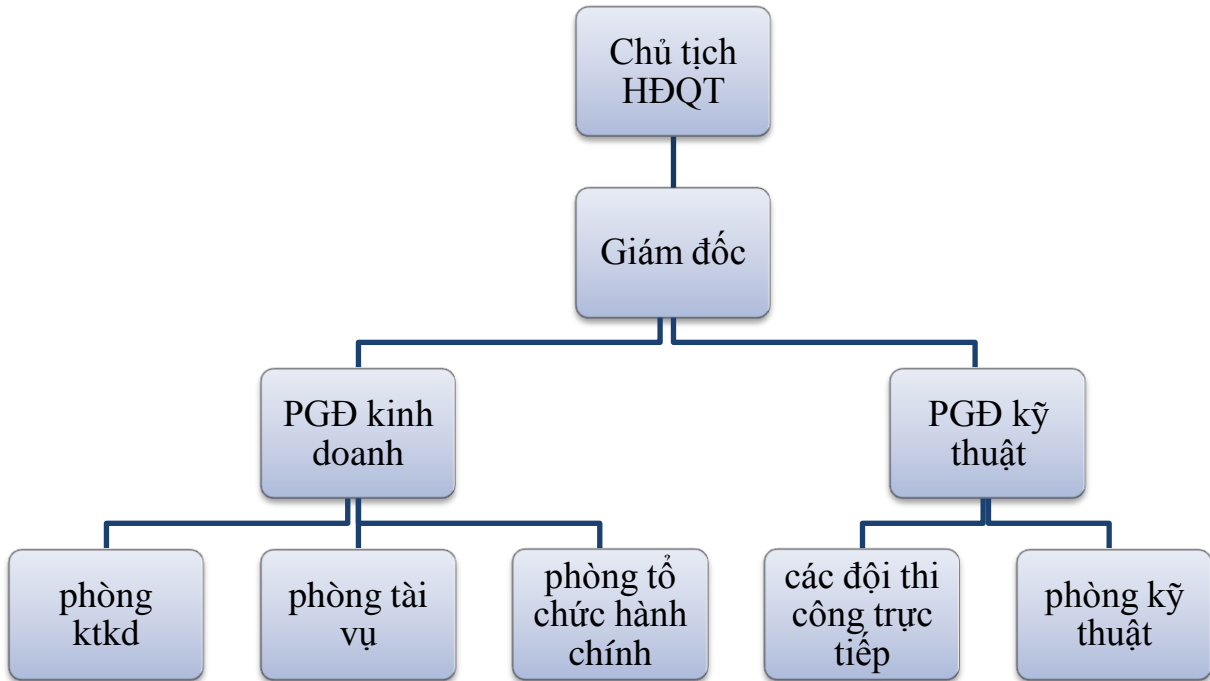
chỉ tiêu	năm 2010	năm 2011	chênh lệch số tiền
Doanh thu bán hàng	3,625,300,609	6,561,334,816	2,936,034,207
Tổng lợi nhuận trước thuế	250,808,429	24,660,000	(226,148,429)
Lương bình quân đầu người	2,600,000	3,100,000	500,000

(Số liệu được trích từ báo cáo tài chính 2010 và 2011)

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian gần đây công ty vẫn đang phát triển và trên đà phát triển. Nhìn vào doanh thu hàng năm, ta thấy doanh năm sau cao hơn năm trước, dù cùng chung hứng chịu khủng hoảng kinh tế, nhưng công ty vẫn làm ăn có hiệu quả. Hiện tại công ty đang có những công trình khá lớn đang thi công hứa hẹn một năm kế toán thành công.

1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

-Mô hình bộ máy tổ chức quản lý của công ty cổ phần tư vấn xây lắp điện Quang Linh như sau:



Sơ đồ 1.6. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

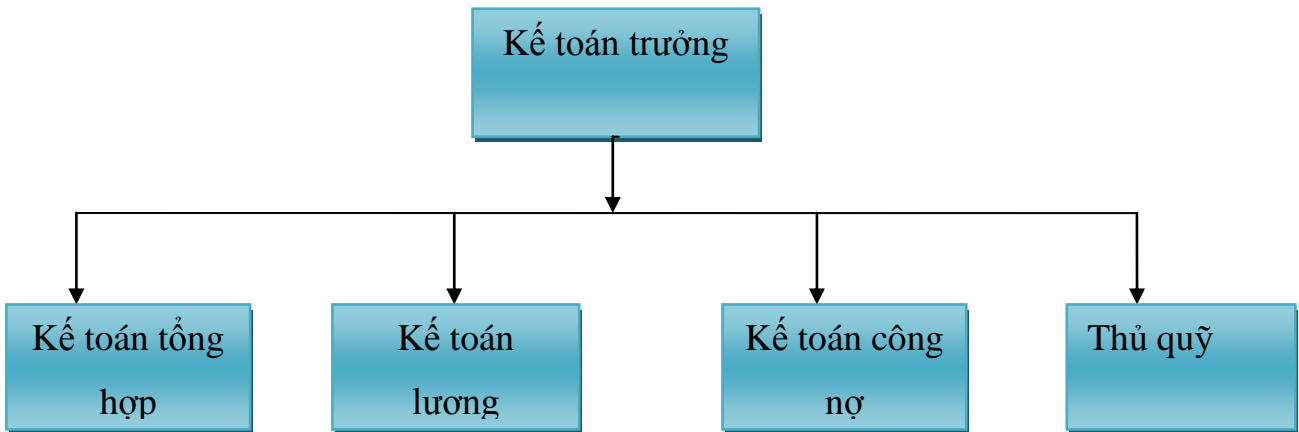
- ☼ Chủ tịch HĐQT là người đứng đại diện cty trong mọi hoạt động kinh doanh, ký kết hợp đồng, là người trực tiếp chỉ huy các bộ phận cấp dưới và chịu trách nhiệm pháp lý trong mọi hoạt động của cty.
- ☼ Giám đốc: là người giúp CTHĐQT thực hiện giám sát công việc tốt hơn.
- ☼ Giám đốc kỹ thuật là người chuyên lo về các khâu xây lắp, kỹ thuật, tư vấn.
- ☼ Phòng hành chính: tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực tổ chức và hành chính. Có chức năng tổ chức nhân sự một cách hợp lý, khoa học, lập kế hoạch lao động tiền lương tiền thưởng cho người lao động. Lập kế hoạch sử dụng lao động, tuyển lao động và điều phối lao động trong tòa công ty. Lập kế hoạch quỹ tiền lương của toàn công ty, thực hiện chế độ đối với cán bộ công nhân viên. Tham mưu cho giám đốc về việc giám sát quản lý chặt chẽ các phòng ban chức năng.

Khóa luận tốt nghiệp

- ☼ Phòng kỹ thuật: có nhiệm vụ đề ra các quy trình kỹ thuật, theo dõi tính toán và đo lường các công trình, hợp đồng mà công ty nhận thầu.
- ☼ Phòng kế toán: là bộ phận tham mưu cho giám đốc về nghiệp vụ tài chính, kế toán tổ chức hạch toán theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quá trình luân chuyển vốn phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao đồng thời bảo toàn và phát triển nguồn vốn của công ty. Ngoài ra, phòng kế toán còn thực hiện ghi chép, phân loại, tổng hợp nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo những nội dung công tác kế toán bằng phương pháp khoa học của kế toán, để phát huy chức năng vai trò quan trọng của kế toán trong việc xây dựng các cơ chế kế toán của công ty.
- ☼ Các đội thi công trực tiếp: tham gia xây dựng, lắp đặt các công trình, khi công ty có các hợp đồng xây dựng và lắp đặt.

II. Đặc điểm bộ máy tổ chức bộ máy kế toán của cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

2.1 Tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 1.7. Bộ máy kế toán tại công ty

Khóa luận tốt nghiệp

Là một công ty không lớn, nên bộ máy kế toán của công ty có một kế toán trưởng và bốn kế toán viên. Theo mô hình trên chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

☸ Kế toán trưởng: là người đứng đầu phòng kế toán, nắm bắt mọi nghiệp vụ xảy ra trong công ty và điều chỉnh cũng như kiểm tra các nghiệp vụ thu, chi lần cuối trước khi đưa cho chủ tịch HĐQT hay giám đốc ký duyệt. Có nhiệm vụ giao phó công việc cho các kế toán viên.

☸ Kế toán công nợ: là người theo dõi doanh thu chi phí hàng tháng, phân tích giá thành dự toán, theo dõi các khoản phải trả người bán...

☸ Kế toán lương: theo dõi các khoản lương và khoản trích theo lương trả công nhân viên trong cty.

☸ Kế toán tổng hợp: có nghĩa vụ tổng hợp các chứng từ ban đầu về tiền lương, các khoản chi phí khác, theo dõi doanh thu, các khoản thanh toán tổng hợp rồi gửi cho kế toán trưởng theo dõi và trình giám đốc.

☸ Thủ quỹ: là người trực tiếp quản lý quỹ tiền mặt của cty, mở sổ theo dõi thu chi hàng ngày trực tiếp thu chi tiền mặt với khách hàng và cuối kỳ lập báo cáo tổng hợp thu chi tiền mặt.

2.2 Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.

-Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Công ty chỉ tổ chức một phòng kế toán ở văn phòng công ty và mọi việc kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán của công ty.

Hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo QĐ 48/2006 /QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC.

-Niên độ kế toán bắt đầu từ 1/01 đến ngày 31/12.

-Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ

Khóa luận tốt nghiệp

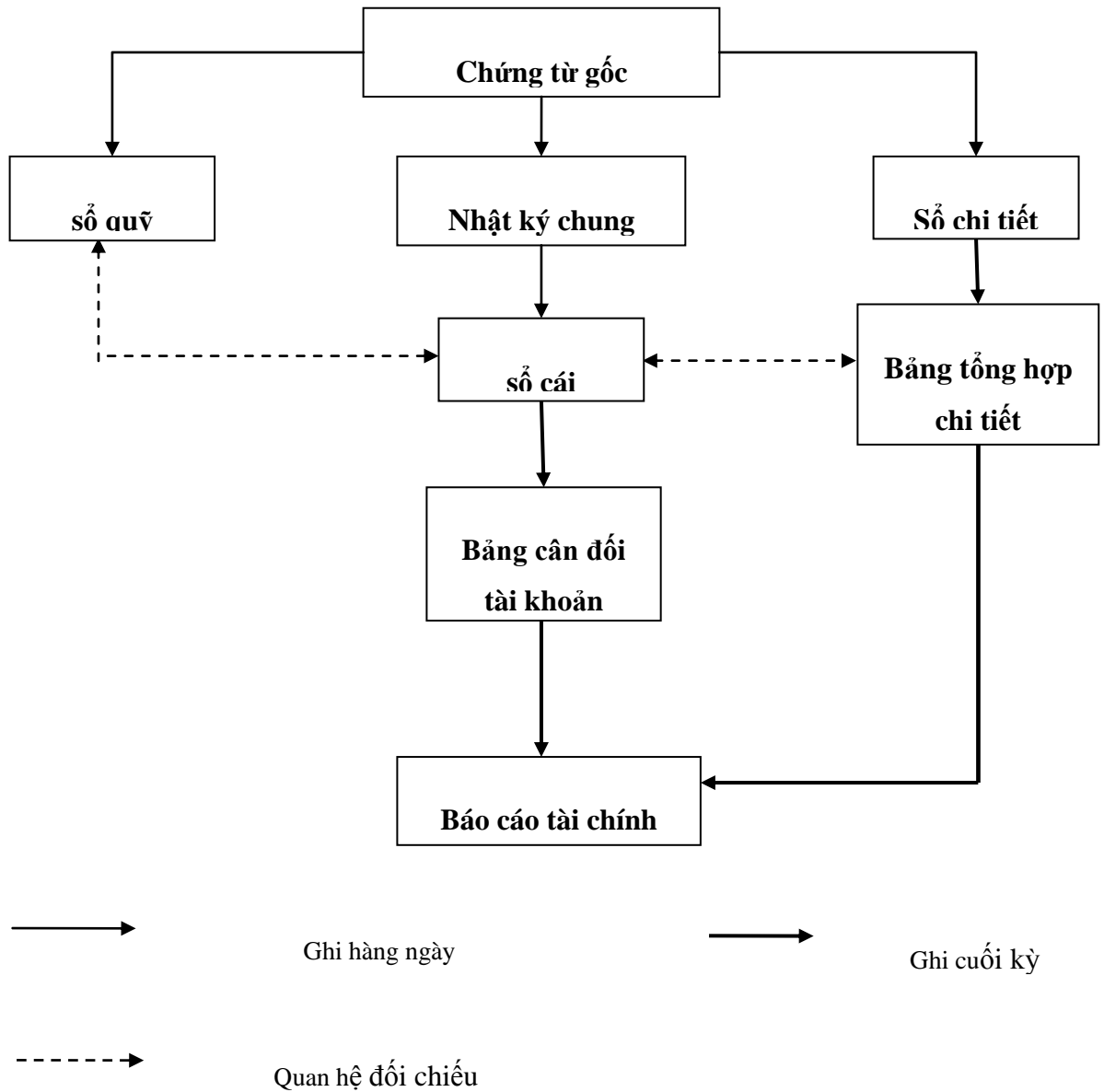
-Công ty hạch tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực kế toán: phiếu thu, phiếu chi, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi,....

-Là công ty chuyên về ngành xây lắp nên công ty không có hàng tồn kho chỉ có nghiệp vụ mua xuất thẳng để tránh mất mát, hay hỏng hóc nguyên vật vật liệu.

-Và để đáp ứng nhu cầu quản lý, công ty đã sử dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung”, là hình thức phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp. Theo hình thức này, hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra (các phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có,...) kế toán vào nhật ký chung, sổ chi tiết. Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

-Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt.
- +Sổ cái các tài khoản.
- +Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.8. Trình tự kế toán theo hình thức NKC

III. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Vốn bằng tiền của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Trong các báo cáo vốn bằng tiền, Công ty sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam để phục vụ cho việc ghi chép. Trường hợp phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì sẽ quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi chép kế toán. Tại công ty không phát sinh các hoạt động về tiền mặt là ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, cũng như không phát sinh các hoạt động về tiền gửi là ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại Công ty được chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Thủ quỹ đảm nhận việc thu chi tiền mặt ở quỹ của Công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ về tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký người thu, người nhận, người cho phép xuất nhập quỹ, sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt (*riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị*). Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu (hoặc chi) tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ, một liên giao cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Phiếu chi được kèm với HĐGTGT (Liên 2: Giao cho khách hàng)

Phiếu thu được kèm với HĐGTGT (Liên 3: Nội bộ)

3.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ tại cty CP TVĐT XLĐ Quang Linh

3.1.1 TK sử dụng

Tài khoản 111- Tiền mặt

3.1.2 Các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán tiền mặt

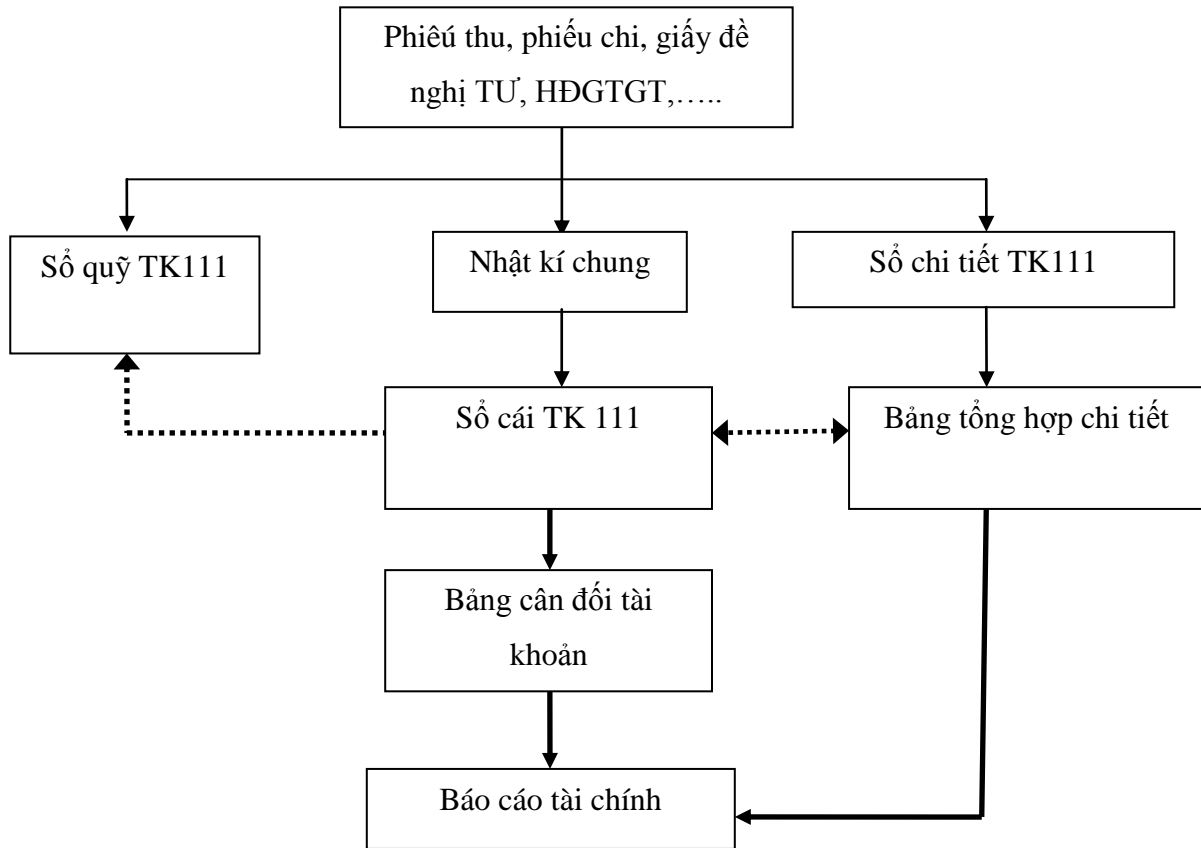
-Phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn GTGT, giấy nộp tiền, giấy thanh toán tiền, biên lai thu

Khóa luận tốt nghiệp

tiền, giấy đề nghị tạm ứng, sổ quỹ tiền mặt., sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết liên quan...

3.1.3 Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 1.9) :



Khi có nghiệp vụ thu chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng hoặc mua hàng để lập phiếu thu, phiếu chi ; sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, vào sổ chi tiết tài khoản tiền mặt, từ sổ nhật ký chung sẽ vào sổ cái tiền mặt ; cuối mỗi quý, căn cứ vào sổ chi tiết và sổ cái đã lập kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản và báo

cáo kế toán cho quý đó.

3.1.4 Kế toán chi tiết một số nghiệp vụ :

a. Các nghiệp vụ giảm tiền mặt

VD 1 : Ngày 2/6/2011 cty mua một số hàng hóa thiết bị phục vụ sửa chữa lắp đặt công trình nhà văn phòng công ty CP Én Vàng quốc tế, kế toán cty dựa vào hóa đơn GTGT, phiếu chi để ghi sổ chi tiết TK 111, nhập vào sổ nhật ký chung và ghi sổ cái TK 111.

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/11P															
Liên 3: Nội bộ				Số: 0046802															
Ngày ..2... tháng.....06... năm 2011																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH xây dựng vận tải Ngọc Lý																			
Địa chỉ: đường thị trấn An Dương- huyện An Dương-HP																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>7</td><td>9</td><td>3</td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	0	5	7	9	3	2				
0	2	0	0	0	5	7	9	3	2										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>						0	2	0	0	5	8	7	9	6	3				
0	2	0	0	5	8	7	9	6	3										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Bộ phận điều khiển cửa	Bộ	01	8.000.000	8.000.000														
2	Motor điện	Chiếc	01	4.500.000	4.500.000														
3	Bộ biến áp	Chiếc	01	4.000.000	4.000.000														
4	Sensor cảm biến	Chiếc	01	1.000.000	1.000.000														
Cộng tiền hàng:					17.500.000														
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT: 1.750.000																	
Tổng cộng tiền thanh toán : 19.250.000																			
Số tiền viết bằng chữ: <i>mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn</i>																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng Đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Cụm 5 đường Lê Duẩn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 06 năm 2011

Quyền số:

Số: PC01/06

Nợ TK156 17.500.000

Nợ TK133 1.750.000

Có TK111 19.250.000

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Ngọc Linh

Địa chỉ: đội thi công cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Lý do chi: mua hàng hóa

Số tiền: 19.250.000 (viết bằng chữ): mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 06 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---	--------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Khóa luận tốt nghiệp

VD 2: Ngày 03/06/2011 anh Trần Văn Hào xin tạm ứng 8.000.000đ đi công tác m.Nam 4 ngày. Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng đã được duyệt, kế toán viết phiếu chi

Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Mẫu số: 03 – TT

Cụm 5 đường Lê Duẩn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 03 tháng 06 năm 2011

Số:25

Kính gửi: Giám đốc cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Tên tôi là: Trần Văn Hào

Địa chỉ: phòng kỹ thuật

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 8.000.000 (Viết bằng chữ) tám triệu đồng chẵn

Lý do tạm ứng: đi công tác

Thời gian thanh toán: 8/4/2011

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Mẫu số: 02 – TT

Cụm 5 Lê Duẩn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 03 tháng 06 năm 2011

Quyển số:

Số: PC02/06

Nợ TK141 8.000.000

Có TK111 8.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Trần Văn Hảo

Địa chỉ: phòng kỹ thuật cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Lý do chi: tạm ứng đi công tác

Số tiền: 8.000.000 (viết bằng chữ): Tám triệu đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 03 tháng 06 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---	--------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): tám triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Khóa luận tốt nghiệp

VD 3: Ngày 29/6/2011, cty thanh toán tiền lương công nhân thuê ngoài phục vụ công trình đường cáp ngầm 35kv cty Hoàng Nam.

Công Ty CPTVĐT XLĐ Quang Linh

Bảng tính lương CN thuê ngoài tháng 06/2011
Công trình đường cáp ngầm 35kv-Cty Hoàng Nam

STT	Họ và tên	Số công	Số tiền/ 1 công	Thành tiền
1	Vũ Xuân Lâm	9	250.000	2.250.000
2	Vũ Thanh Chương	9	250.000	2.250.000
3	Hoàng Văn Chuyên	8	220.000	1.760.000
4	Trần Quang Thanh	9	220.000	1.980.000
	Tổng			8.240.000

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh
Cụm 5 Lê Duẩn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 06 năm 2011

Quyển số:

Số: PC25/06

Nợ TK141 8.240.000

Có TK111 8.240.000

Họ và tên người nhận tiền: Phan Mỹ Anh

Địa chỉ: phòng kế toán CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Lý do chi: thanh toán lương cho CN thuê ngoài

Số tiền: 8.240.000 (viết bằng chữ): Tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 29 tháng 06 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---	--------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): tám triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Khóa luận tốt nghiệp

b. Các nghiệp vụ tăng tiền mặt:

VD 1: Ngày 5/6/2011, cty bán một máy phát điện cho cty CP Vũ Gia thu tiền ngay.

Dựa vào hóa đơn GTGT, kế toán viết phiếu thu

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/11P	
Liên 3: Nội bộ				Số: 0046806	
Ngày ..5... tháng.....6... năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh					
Địa chỉ: cụm 5 đường Lê Duẩn, quận Kiến An, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:.....MS:				0	2
				0	0
				5	8
				7	9
				6	3
				+	+
				+	+
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Vũ Gia					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:.....MS:				0	2
				0	0
				0	0
				3	8
				7	9
				+	+
				+	+
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Máy phát điện	Cái	01	12.405.600	12.405.600
Cộng tiền hàng:					12.405.600
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT: 1.240.560			
Tổng cộng tiền thanh toán: 13.646.160					
Số tiền viết bằng chữ: <i>mười ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi đồng chẵn</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng Đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty CP TVĐT XLD Quang Linh

Mẫu số: 01 – TT

Cụm 5 Lê Duẩn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 05 tháng 06 năm 2011

Quyển số:

Số: PT 03/06

Nợ TK111 13.646.160

Có TK511 12.405.600

Có TK 3331 1.240.560

Họ và tên người nộp tiền: Phan Thị Lý

Địa chỉ: Cty CP Vũ Gia

Lý do thu: thu tiền bán hàng theo HĐ 076167

Số tiền: 13.646.160 (Viết bằng chữ): mười ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 05 tháng 06 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): mười ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Khóa luận tốt nghiệp

VD 2: Ngày 11/6/2011, cty thu hồi lại số tạm ứng thừa giao cho chị Ngô Hải Thái đi mua tivi ngày 10/6/2011. Trước khi thanh toán chị Thái đã viết giấy thanh toán tiền tạm ứng và nộp hóa đơn mua hàng để chứng minh số đã chi và xác định số hoàn ứng còn lại.

Công ty CPTVĐT XLD Quang Linh

Mẫu số: 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Giấy thanh toán tiền tạm ứng

Ngày 11 tháng 06 năm 2011

Số: 33

Nợ TK111 1.800.000

Có TK141 1.800.000

Họ tên người thanh toán: Ngô Hải Thái

-Bộ phận: Phòng hành chính

-Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
I. Số tiền tạm ứng	15.000.000
1. Số tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2. Số tạm ứng kỳ này	15.000.000
- Phiếu chi số : PC09/06 ngày 10 tháng 06 năm 2011	15.000.000
II. Số tiền đã chi:	13.200.000
1. Chứng từ HDGTGT số 0035479 ngày 10/6/2011	13.200.000
2.....	
III. Chênh lệch	1.800.000
1. Số tạm ứng chi không hết (I – II)	1.800.000
2. Chi quá số tạm ứng (II – I)	

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Người đề nghị thanh toán

(Ký, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

HOÁ ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001																	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/11P																	
Liên 2: giao khách hàng				Số: 0035479																	
Ngày ..10... tháng..... 06... năm 2011																					
Đơn vị bán hàng: Cty cổ phần thương mại và vận tải CPN Việt Nam																					
Địa chỉ: 7 lô 22A Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng																					
Số tài khoản:																					
Điện thoại:																					
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> </tr> </table>								0	2	0	2	4	0	8	3	5	6	+	+	+	+
0	2	0	2	4	0	8	3	5	6	+	+	+	+								
Họ tên người mua hàng:																					
Tên đơn vị: Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh																					
Số tài khoản:																					
Hình thức thanh toán:																					
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">+</td> </tr> </table>								0	2	0	0	5	8	7	9	6	3	+	+	+	+
0	2	0	0	5	8	7	9	6	3	+	+	+	+								
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																
A	B	C	1	2	3																
1	Tivi Sony LCD	Chiếc	01	12.000.000	12.000.000																
Cộng tiền hàng:					12.000.000																
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		1.200.00																	
Tổng cộng tiền thanh toán: 13.200.000																					
Số tiền viết bằng chữ : <i>mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn</i>																					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Thủ trưởng Đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>																

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty CP TVĐT XLD Quang Linh

Mẫu số: 01 – TT

Cụm 5 Lê Duẩn, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 06 năm 2011

Quyển số:

Số: PT11/06

Nợ TK111 1.800.000

Có TK141 1.800.000

Họ và tên người nộp tiền: Ngô Hải Thái

Địa chỉ: phòng HC cty CP TVĐT XLD Quang Linh

Lý do thu: thu hồi tạm ứng thừa

Số tiền: 1.800.000 (Viết bằng chữ): một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

Ngày 05 tháng 06 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Phiếu thu, phiếu chi hàng ngày được chuyển cho thủ quỹ để thực hiện thanh toán và vào sổ quỹ tiền mặt, sau đó chứng từ sẽ tiếp tục được chuyển cho kế toán để vào sổ nhật ký chung, đồng thời vào sổ chi tiết TK 111, từ sổ NKC kế toán tiếp tục vào sổ cái TK 111

Khóa luận tốt nghiệp

Công ty CP TVĐT XLD Quang Linh
Cụm 5 Lê Duẩn, Kiên An, Hải Phòng

Mẫu số: S05a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT Tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	NT chứng từ	SH chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
A	B	C	D	E	1	2	3
				Số dư đầu tháng			1.070.000.000
01/06	01/06		GBC560	Nộp tiền vào Techcombank		70.000.000	1.000.000.000
01/06	01/06	PT01/06		Cty HUAFENG trả tiền	20.000.000		1.020.000.000
02/06	02/06		PC02/06	Chi mua vật tư		19.250.000	1.000.750.000
03/06	03/06		PC03/06	Chi tạm ứng		8.000.000	992.750.000
04/06	04/06	GBN594		Rút TGNH về nhập quỹ TM	500.000.000		1.492.750.000
05/06	05/06	PT03/06		Bán hàng thu tiền	13.646.160		1.506.396.160
....
10/06	10/06		PC09/06	Chi tạm ứng cho nv mua tivi		15.000.000	1.385.000.000
11/06	11/06	PT11/06		Thu hồi tạm ứng thừa	1.800.000		1.386.800.000
.....
29/06	29/06		PC25/06	Thanh toán lương cho CN thuê ngoài		8.240.000	1.361.890.000
29/06	29/06		Bảng tính lương t6	Thanh toán lương cho CBCNV		125.850.000	1.236.040.000
				Cộng phát sinh	1.140.600.000	974.560.000	
				Cộng lũy kế PS từ đầu năm	8.630.560.000	7.390.520.000	
				Số dư cuối tháng			1.236.040.000

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến số trang

- Ngày mở sổ:

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP TVĐT XLĐ Quang Linh
Cụm 5 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 06 năm 2011

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	ĐG SC	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	x				64.819.437.847	64.819.437.847
01/06	GBC560	01/06	Nộp tiền vào ngân hàng TechcomBank	x		112	111	70.000.000	70.000.000
01/06	PT01/06 HĐ0047580	01/06 20/03	Cty HUAFENG trả tiền	x		111	131	20.000.000	20.000.000
02/06	PC02/06 HĐ0046802	02/06	Chi mua vật tư hàng hóa	x		156		17.500.000	
				x		133		1.750.000	
				x			111		19.250.000
03/06	PC03/06	03/06	Chi tạm ứng	x		141	111	8.000.000	8.000.000
04/06	GBN594	04/06	Rút TGNH về nhập quỹ TM	x		111	112	500.000.000	500.000.000
05/06	PT03/06	05/06	Bán hàng thu tiền	x		111		13.646.160	
				x			511		12.405.600
							3331		1.240.560
.....
10/06	PC09/06	10/06	Chi tạm ứng cho nv mua tivi	x		141	111	15.000.000	15.000.000
11/06	PT11/06	11/06	Thu hồi tạm ứng thừa	x		111	141	1.800.000	1.800.000
.....
29/06	PC25/06	29/06	Thanh toán lương cho CN thuê ngoài	x		334	111	8.240.000	8.240.000
29/06	Bảng tính lương T6	29/06	Trả lương nhân viên	x		334	111	125.850.000	125.850.000
30/06	GBC750	30/06	Thu hồi nợ của cty CP Hoa Mai	x		112	131	470.130.000	470.130.000
			Cộng phát sinh tháng 6					7.242.654.000	7.242.654.000
			Cộng chuyển trang sau					72.062.091.850	72.062.091.850

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP TVĐT XLD Quang Linh
Cụm 5 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản : 111 – Tiền mặt
Trích tháng 06 năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang	Dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu tháng				<u>1.070.000.000</u>	
01/06	GBC560	01/06	Nộp tiền vào ngân hàng TechcomBank			112		70.000.000
01/06	PT01/06	01/06	Cty HUAFENG trả tiền			131	20.000.000	
02/06	PC02/06	02/06	Chi mua vật tư			156		17.500.000
						133		1.750.000
03/06	PC03/06	03/06	Chi tạm ứng			141		8.000.000
04/06	GBN594	04/06	Rút TGNH về nhập quỹ TM			112	500.000.000	
05/06	PT03/06	05/06	Bán hàng thu tiền			511	12.405.600	
						3331	1.240.560	
.....
10/06	PC09/06	10/06	Chi tạm ứng cho nv mua tivi			141		15.000.000
11/06	PT11/06	11/06	Thu hồi tạm ứng thừa			141	1.800.000	
.....
29/06	PC25/06	29/06	Thanh toán lương cho CN thuê ngoài			334		8.240.000
29/06	Bảng tính lương T6	29/06	Trả lương nhân viên			334		125.850.000
			Cộng phát sinh				1.140.600.000	974.560.000
			Cộng lũy kế PS từ đầu năm				8.630.560.000	7.394.520.000
			Số dư cuối tháng					<u>1.236.040.000</u>

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngàythángnăm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2 Kế toán TGNH tại công ty CP TVĐT XLD Quang Linh

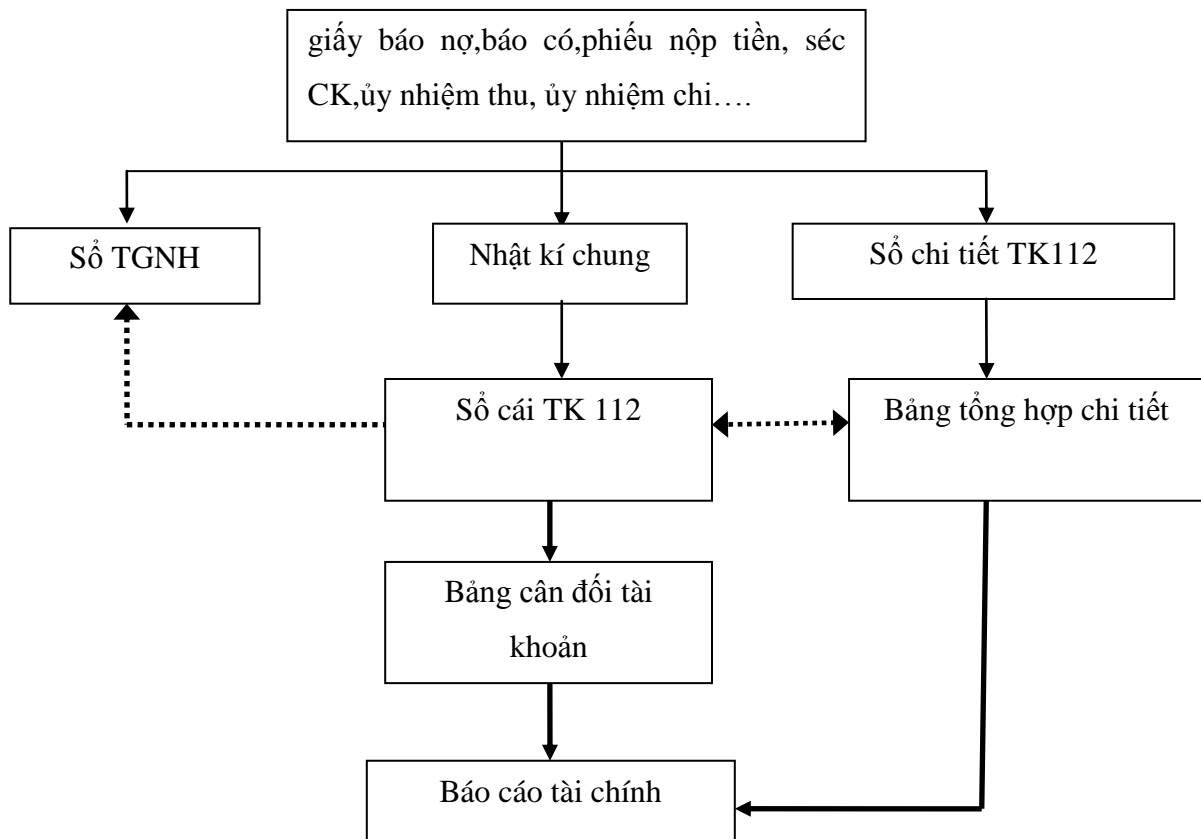
3.2.1 Tài khoản sử dụng:

TK 112 – tiền gửi ngân hàng

3.2.2 Các chứng từ và sổ sách Công ty sử dụng trong kế toán TGNH :

Giấy nộp tiền, sổ phụ khách hàng, giấy báo nợ, sổ tiền gửi ngân hàng, giấy báo có, sổ nhật ký chung...

3.2.3 Quy trình luân chuyển chứng từ : Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán TGNH tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.0) :



Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo nợ, giấy báo có, sổ phụ tài khoản,... kế toán tiến hành ghi vào nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết tài khoản 112. Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK112, cuối tháng tổng hợp từ sổ chi tiết kế toán tiến hành ghi vào bảng tổng hợp chi tiết. Sau khi đối chiếu số liệu trên

Khóa luận tốt nghiệp

bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và trên cơ sở đó lập báo cáo tài chính.

3.2.4 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

VD 1: Ngày 1/6/2011, kế toán cty nộp tiền vào tài khoản cty tại ngân hàng Techcombank, số tiền 70.000.000

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
HPG-TCB HẢI PHÒNG

Số: 413

GIẤY NỘP TIỀN

Ngày 01 tháng 06 năm 2011

Họ tên người nộp: Bùi Thị Hạnh

Đơn vị thụ hưởng: Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Tài khoản số: 109.20698227.01.3

Địa chỉ: cụm 5 Lê Duẩn, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng

Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam-CN Hải Phòng

Nội dung nộp	Số tiền
Nộp tiền vào tài khoản cty	70.000.000
Tổng số tiền (bằng chữ): Bảy mươi triệu đồng chẵn	70.000.000

Người nộp tiền

Thủ quỹ

Kế toán

Trưởng phòng kế toán

Khóa luận tốt nghiệp

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Theo công văn số

21208/CT/AC

HPG-TCB HẢI PHÒNG

Cục thuế Hà Nội

GIẤY BÁO CÓ Số 560/2011

Ngày 01 tháng 06 năm 2011

Kính gửi: CTY CP TU VAN ĐẦU TƯ XÂY LẬP

Số tài khoản: **109.20698227.01.3**

DIEN QUANG LINH

Loại tiền : **VND**

Địa chỉ: cụm 5 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 20698227

Số bút toán hạch toán: 10920698227013-

20110615

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Nộp tiền vào TK	70.000.000
Tổng số tiền	70.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Trích yếu: Bùi Thị Hạnh chuyển tiền vào tài khoản Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Khóa luận tốt nghiệp

VD 2: Ngày 4/6/2011, cty rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, số tiền 500.000.000

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
21208/CT/AC
HPG-TCB HẢI PHÒNG

Theo công văn số

Cục thuế Hà Nội

GIẤY BÁO NỢ

Số 594/2011

Ngày 04 tháng 06 năm 2011

Kính gửi: CTY CP TU VAN ĐẦU TƯ XÂY LẬP
DIEN QUANG LINH

Số tài khoản: **109.20698227.01.3**

Loại tiền : **VND**

Địa chỉ: cụm 5 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng
TOAN

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH

Số ID khách hàng: 20698227
20110618

Số bút toán hạch toán: 10920698227013-

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Rút tiền từ tài khoản	500.000.000
Tổng số tiền	500.000.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn.

Trích yếu: Bùi Thị Hạnh rút tiền từ tài khoản cty CP TVĐT XLĐ Quang Linh.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Khóa luận tốt nghiệp

VD 3: Ngày 15/06/2011, Công ty TNHH Việt Trường trả nợ cty bằng chuyển khoản qua tài khoản của cty tại ngân hàng TechcomBank. Số tiền 173.800.000. Ngân hàng gửi đến cho cty Quang Linh giấy báo có.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
21208/CT/AC
HPG-TCB HẢI PHÒNG

Theo công văn số

Cục thuế Hà Nội

GIẤY BÁO CÓ Số 609/2011

Ngày 15 tháng 06 năm 2011

Kính gửi: CTY CP TU VAN ĐẦU TƯ XÂY LẬP
DIEN QUANG LINH

Số tài khoản: **109.20698227.01.3**

Loại tiền : **VND**

Địa chỉ: cụm 5 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 20698227
20110615

Số bút toán hạch toán: 10920698227013-

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản	173.800.000
Tổng số tiền	173.800.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Trích yếu: Tạ Thanh Tâm chuyển tiền vào tài khoản Cty CP tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Khóa luận tốt nghiệp

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM

Số 609/2011

HPG-TCB HẢI PHÒNG

Trang 1/1

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 15 tháng 06 năm 2011)

Số tài khoản: 109.20698227.01.3

Loại tiền : VND

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Khách hàng: CTY CP TVĐT XLD QUANG LINH

Số ID khách hàng: 20698227

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				1.350.000
15/06/2011	Tạ Thanh Tâm chuyển tiền vào TK cty CP TVĐT XLD Quang Linh	10920698227013-20110615		173.800.000
Số dư cuối ngày				175.150.000
Doanh số ngày				173.800.000
Doanh số tháng			1.353.000.000	1.528.150.000
Doanh số năm			1353.000.000	1.528.150.000

Kế toán

Kiểm soát

Khóa luận tốt nghiệp

VD 4: Ngày 18/06/2011 công ty thanh toán tiền mua ô tô bằng chuyển khoản qua ngân hàng Techcombank. Số tiền 650.000.000. Ngân hàng chuyển giấy báo nợ tới cho cty

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
21208/CT/AC
HPG-TCB HẢI PHÒNG

Theo công văn số

Cục thuế Hà Nội

GIẤY BÁO NỢ

Số 610/2011

Ngày 18 tháng 06 năm 2011

Kính gửi: CTY CP TU VAN ĐẦU TƯ XÂY LẬP

Số tài khoản: **109.20698227.01.3**

DIEN QUANG LINH

Loại tiền : **VND**

Địa chỉ: cụm 5 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH

TOAN

Số ID khách hàng: 20698227

Số bút toán hạch toán: 10920698227013-

20110618

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản thanh toán tiền mua ô tô	650.000.000
Tổng số tiền	650.000.000

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn.

Trích yếu: cty CPTVĐT XLD Quang Linh trả tiền cho cty CP CN ô tô Thành Công

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Khóa luận tốt nghiệp

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Số 610/2011

HPG-TCB HẢI PHÒNG

Trang 1/1

SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 18 tháng 06 năm 2011)

Số tài khoản: **109.20698227.01.3**

Loại tiền : **VND**

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Khách hàng: CTY CP TVĐT XLD QUANG LINH

Số ID khách hàng: 20698227

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				1.500.000
15/06/2011	Tạ Thanh Tâm chuyển tiền vào TK cty CP TVĐT XLD Quang Linh	10920698227013-20110618	650.000.000	
Số dư cuối ngày			648.500.000	
Doanh số ngày			650.000.000	
Doanh số tháng			879.650.000	1.528.150.000
Doanh số năm			879.650.000	1.528.150.000

Kế toán

Kiểm soát

VD 5: Ngày 19/06/2011, nhân viên Bùi Thị Hạnh nộp tiền vào tài khoản Công ty tại VP Bank HP, số tiền 130.000.000đ để thanh toán tiền hàng cho cty TNHH cửa cuốn Úc Vinh Quang. Có giấy nộp tiền, công ty nhận chi tiết hoạt động tài khoản, Giấy báo nợ chuyển tiền của Ngân hàng.

Khóa luận tốt nghiệp

VP BANK

Ngân hàng ngoài quốc doanh

GIẤY NỘP TIỀN

Nộp để ghi vào tài khoản
CASHDEPOSITREQUIREMENT

Biên lai thu

giao cho người nộp tiền

Số(No)3161(Cash collecting
document for payer)

Ngày 19 tháng 06 năm 2011

Người nộp (Depositor): Bùi Thị Hạnh

Địa chỉ (Address): 16 Trần Phú – HP

Người nhận (Beneficiary): Công ty CP TVĐTXLĐ Quang Linh

Địa chỉ (Address): cụm 5 Lê Duẩn, Bắc Sơn, KA, HP

Tài khoản (Acc) Có

Số(No) 126203000168

NỘI DUNG NỘP (<i>Content</i>)	SỐ TIỀN (<i>amount</i>)
Nộp tiền vào tài khoản công ty	130.000.000
Tổng số tiền bằng chữ (<i>total amount in word</i>): một trăm ba mươi triệu đồng chẵn	
Cộng (<i>Total</i>):	130.000.000

Người nộp tiền

Thủ quỹ

Sổ phụ

Kiểm soát

Giám đốc Ngân hàng

VP BANK HP

Mã số thuế : 0100233583-004

HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN

Ngày 19 tháng 06 năm 2011

Nguyên tệ : VND

Số tài khoản : 143086/ 126203000168

Tên tài khoản : 73686 / Công ty CPTVĐT XLĐ Quang Linh

SCT	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư	Nội dung
TT0828104988		130.000.000	930.000.000	Bùi Thị Hạnh nộp tiền TK Payment
FT0828102395	758.000.000		172.000.000	in Advance of sales contract no.71 cars DD 080929

Số dư đầu : 800.000.000

Phát sinh : 758.000.000 130.000.000

Số dư cuối : 172.000.000

Thanh toán viên

Khóa luận tốt nghiệp

Sau khi nộp tiền vào TK, cty tiến hành chuyển khoản trả nợ cty Vinh Quang và nhận được Giấy báo chuyển tiền của ngân hàng VPBank.

VP BANK – VP Bank Hải Phòng

Số chứng từ: 3965

MST : 0100233583-004

Ngày 19 tháng 06 năm 2011

GIẤY CHUYỂN TIỀN

Mã khách hàng : 73686

Tên khách hàng: Công ty CPTVĐT XLĐ Quang Linh

Địa chỉ : Cụm 5 Lê Duẩn, Bắc Sơn, KA, HP

MST : 0200587963

Số tài khoản : 143086

Nội dung : Thực hiện lệnh chuyển tiền

Chi tiết như sau:

Số tiền chuyển: 130.000.000 VND

Phí chuyển tiền : 150.000.000 VND

Điện phí: 50.000 VND

Thuế VAT : 20.000 VND

Tổng cộng: 130.220.000 VND

Thực hiện:

Duyệt 1

Duyệt 2

(Người được uỷ quyền xác nhận)

Khóa luận tốt nghiệp

VD 6: Ngày 25/06/2011, Ngân hàng VP Bank thu lãi tiền vay vốn và gửi cho Công ty phiếu tính lãi tiền vay (biểu 2.23) và chi tiết hoạt động tài khoản (biểu 2.24)

NGÂN HÀNG NGOÀI QUỐC DOANH

Số giao dịch: 001559

Chi nhánh: VP Bank HP

Mã chi nhánh: VN0010103

Mã số thuế:

Mã nhân viên: 1184

PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN VAY

Từ ngày 26/05/2011 đến hết ngày 25/06/2011

Khách hàng: 73686 QUANGLINH TRA.CO

Địa chỉ: Cụm 5 Lê Duẩn, Bắc Sơn, KA, HP

Loại tiền vay: VNĐ Số hợp đồng: LD0734800146

Số tài khoản: 143086 Số tham chiếu: 103 M0070022/05

Từ ngày	Đến ngày	Số dư	Số ngày	Lãi (%năm)	Tiền lãi	Tiền phí
28/11/2008	29/11/2008	1.000.000.000	2	21	1.166.667	0
30/11/2008	13/12/2008	1.000.000.000	14	21	8.166.667	0
14/12/2008	26/12/2008	1.000.000.000	13	21	7.583.333	0
27/12/2008	27/12/2008	1.000.000.000	1	21	583.333	0

Tổng cộng: 17.500.000

Bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 27 tháng 12 năm 2008

LẬP BẢNG KIỂM SOÁT

VP BANK HP

HOẠT ĐỘNG TÀI KHOẢN

Mã số thuế: 0100233583-004

Ngày 25 tháng 06 năm 2011

Nguyên tệ: VND

Số tài khoản: 143086 / 126203000168

Tên tài khoản: 73686 / Công ty CPTVĐT XLĐ Quang Linh

SCT	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Số dư	Nội dung
LD0734800146	17.500.000		5.945.892	Thanh toán lãi

Số dư đầu: 23.445.892

Phát sinh: 17.500.000

Số dư cuối: 5.945.892

Thanh toán viên

Khóa luận tốt nghiệp

CTY CP TVĐT XLD QUANG LINH

Mẫu số S06 – DNN

Cụm 5 Lê Duẩn, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản: ngân hàng Techcombank Hải Phòng

Số hiệu tài khoản nơi gửi: 109.20698227.01.3

Tháng 06/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			Số dư đầu tháng				2.650.000.000
1/6	GBC594	1/6	Nộp tiền vào ngân hàng TechcomBank	111	70.000.000		1.598.150.000
4/6	GBN605	4/6	Rút TGNH nhập quỹ	111		500.000.000	1.098.150.000
.....
15/6	GBC609	15/6	Kh trả nợ	131	173.800.000		1.528.150.000
18/6	GBN610	18/6	Trả tiền mua xe ô tô	331		650.000.000	879.650.000
.....
30/6	GBC750	30/6	Thu hồi nợ cty CP Hoa Mai	131	470.130.000		2.865.000.000
			Công PS		1.465.000.000	1.250.000.000	
			Lũy kế PS từ đầu năm		7.115.000.000	4.250.000.000	
			Số dư cuối kỳ				2.865.000.000

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

CTY CP TVĐT XLD QUANG LINH

Mẫu số S06 – DNN

Cụm 5 Lê Duẩn, Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản: Ngân hàng VP Bank Hải Phòng

Số hiệu tài khoản nơi gửi: 126203000168

Tháng 06/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			Số dư đầu tháng				1.560.000.000
6/6	GBC2584		Gửi tiền vào NH	111	950.000.000		2.510.000.000
.....
19/6	GNT3161	19/6	Nộp tiền vào ngân hàng	111	130.000.000		1.650.000.000
19/6	Giấy chuyển tiền 3965	19/6	Chuyển trả nợ KH	331		130.000.000	1.520.000.000
			-phí chuyển tiền	641		150.000	1.519.850.000
			-điện phí	641		50.000	1.519.800.000
			- TGTGT	133		20.000	1.519.780.000
....	
25/6	Phiếu tính lãi 001559	25/6	NH thu lãi tiền vay	635		17.500.000	1.502.280.000
.....
			Công PS		2.352.650.000	1.912.650.000	
			Lũy kế SPS từ đầu năm		10.650.450.000	8.650.450.000	
			Số dư cuối kỳ				2.000.000.000

- Sổ này cótrang,đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP TVĐT XLD Quang Linh
Cụm 5 Lê Duẩn, Kiên An, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 06 năm 2011

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	ĐG SC	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2
			Số trang trước chuyển sang	x				64.819.437.847	64.819.437.847
01/06	PBC594	01/06	Nộp tiền vào ngân hàng TechcomBank	x		112	111	70.000.000	70.000.000
03/06	PC03/06	03/06	Chi tạm ứng	x		141	111	8.000.000	8.000.000
04/06	PBN605	04/06	Rút TGNH nhập quỹ	x		111	112	500.000.000	500.000.000
....
06/06	GBC2584	06/06	Gửi tiền vào NH			112	111	950.000.000	950.000.000
15/06	PBC609	15/06	Kh trả nợ	x		112	131	173.800.000	173.800.000
18/06	PBN610	18/06	Trả tiền mua xe ô tô	x		331	112	650.000.000	650.000.000
19/06	GNT3161	19/06	Nộp tiền vào ngân hàng	x		112	111	130.000.000	130.000.000
	Giấy chuyển tiền 3965		Chuyển trả nợ KH -phí chuyển tiền -điện phí - TGTGT			331 641 641 133	112	130.000.000 150.000 50.000 20.000	130.220.000
25/6	Phiếu tính lãi 001559	25/6	NH thu lãi tiền vay	x		635	112	17.500.000	17.500.000
.....
30/6	GBC750	30/6	Thu nợ cty CP Hoa Mai	x		112	131	470.130.000	470.130.000
			Cộng phát sinh tháng 6					7.242.654.000	7.242.654.000
			Cộng chuyển trang sau					72.062.091.850	72.062.091.850

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngàythángnăm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Cty CP TVĐT XLD Quang Linh
Cụm 5 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản : 112 – Tiền gửi ngân hàng

Trích tháng 06 năm 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		T	D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				4.210.000.000	
01/06	PBC594	01/06	Nộp tiền vào ngân hàng TechcomBank			1121	70.000.000	
04/06	PBN605	04/06	Rút TGNH nhập quỹ			111		500.000.000
06/06	GBC2584	06/06	Gửi tiền vào NH			111	950.000.000	
15/06	PBC609	15/06	KH trả nợ			131	173.800.000	
18/06	PBN610	18/06	Trả tiền mua xe ô tô			331		650.000.000
19/06	GNT3161	19/06	Nộp tiền vào ngân hàng			111	130.000.000	
	Giấy chuyển tiền 3965		Chuyển trả nợ KH			331		130.000.000
			-phí chuyển tiền			641		150.000
			-điện phí			641		50.000
			- TGTGT			133		20.000
.....
25/6	Phiếu tính lãi 001559	25/6	NH thu lãi tiền vay			635		17.500.000
.....
30/6	GBC750	30/6	Thu nợ cty CP Hoa Mai			131	470.130.000	
			Cộng phát sinh				3.817.650.000	3.162.650.000
			Lũy kế PS từ đầu năm				17.765.450.000	12.900.450.000
			Số dư cuối tháng					4.865.000.000

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III :

**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ
XÂY LẮP ĐIỆN QUANG LINH**

I. Đánh giá chung về tình hình tổ chức quản lý kinh doanh, tổ chức kế toán nói chung cũng như công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại cty Quang Linh

1.1 Tình hình tổ chức quản lý kinh doanh, tổ chức kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

Mười năm kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh đã phải trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tự khẳng định mình. Đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Nhưng chính những rào cản đó lại là những động lực để công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, Công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn Công ty, kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh về trình độ quản lý của đội ngũ lãnh đạo Công ty. Trong quá trình kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

Do khối lượng công việc hạch toán lớn nên lao động kế toán được phân công theo các phần hành hành kế toán. Việc phân công như vậy là rất phù hợp, tạo điều kiện cho kế toán viên chuyên môn hóa trong công việc, tích lũy kinh nghiệm, giải quyết các công việc thuộc phần hành của mình một cách nhanh chóng, tạo điều kiện cung cấp

Khóa luận tốt nghiệp

kịp thời các số liệu báo cáo lãnh đạo cty khi cần thiết. Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý vốn bằng tiền để tránh được gian lận thất thoát quỹ tiền mặt đồng thời sử dụng tốt nhất đồng vốn hiện có. Có thể nói mô hình kế toán mà công ty đang áp dụng đã phát huy vai trò của nó, góp phần quan trọng vào việc phân công lao động một cách hợp lý, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo cty trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh.

Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính nhờ sự nỗ lực và học hỏi không ngừng đó khiến cho Công ty ngày một làm ăn có hiệu quả, uy tín của Công ty ngày được nâng cao, hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được cải thiện và đóng góp một phần vào ngân sách Nhà nước.

1.2 Ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

a. Ưu điểm:

❖ Về công tác quản lý:

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, Công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong Công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

❖ Về tổ chức kế toán nói chung:

Khóa luận tốt nghiệp

- Tổ chức bộ máy kế toán của cty gọn nhẹ và khoa học, hoạt động có nề nếp phù hợp với đặc điểm kinh doanh của cty. Mỗi nhân viên phụ trách một phần hành kế toán giúp cho công tác kế toán của công ty được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian chi phí và chính xác hơn, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót. Giúp ban lãnh đạo đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xây dựng được kế hoạch kinh doanh phù hợp.
- Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các chế định kế toán, nhiệt tình yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.
- Hiện nay cty Quang Linh đang áp dụng hình thức Nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quy trình hạch toán và phù hợp với quy mô và điều kiện công tác kế toán tại công ty.
- Về điều kiện làm việc, Công ty đã đầu tư, trang bị cho bộ phận kế toán những trang thiết bị hiện đại. Mỗi kế toán viên đều được trang bị một máy vi tính riêng để mỗi người có thể hoàn thành công việc mình được giao một cách nhanh chóng và khoa học.
- Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của nhà nước. Dựa trên những quy định chuẩn mực kế toán, kế toán cty còn sáng tạo tìm tòi, lập ra những sổ, bảng biểu kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của cty
- Tất cả chứng từ kế toán của cty được sắp xếp khoa học gọn gàng đúng nội dung kinh tế và trình tự thời gian. Nhờ đó việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng chính xác.

Khóa luận tốt nghiệp

❖ Về công tác kế toán vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là một loại tài sản đặc biệt, nó làm vật ngang giá chung nên rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó công ty đã có những biện pháp tốt trong việc trong việc tổ chức hạch toán, quản lý và sử dụng vốn bằng tiền

- Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến vốn bằng tiền phát sinh luôn được cập nhập đầy đủ chính xác chính xác kịp thời vào các loại sổ sách kế toán đúng theo mẫu quy định của bộ tài chính. Quỹ tiền mặt được kiểm tra định kỳ nhằm phát hiện sai sót và hạn chế gian lận

- Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

- Mọi biến động của vốn bằng tiền đều có các giấy tờ chứng từ gốc hợp lệ. Việc sử dụng vốn bằng tiền đúng mục đích, chế độ.

- Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ thường xuyên và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng. Công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi theo từng Ngân hàng, mỗi ngân hàng có một sổ theo dõi riêng khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng và thuận tiện.

b. Nhược điểm :

Mặc dù công tác kế toán vốn bằng tiền tại cty CP TVĐT XLĐ Quang Linh đã đáp ứng được các yêu cầu chung của chuẩn mực kế toán và phù hợp với tình hình thực tế của cty nhưng vẫn còn tồn tại một số nhược điểm sau đây:

- Việc công ty chỉ tập trung ghi toàn bộ vào nhật ký chung và sổ chi tiết mà chưa

Khóa luận tốt nghiệp

mở các sổ nhật ký đặc biệt như: Nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền... chưa thực sự là phương án tối ưu vì điều này sẽ khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc, không tiện trong việc theo dõi các khoản thu chi trong kỳ kế toán.

- Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng, vẫn còn thường xuyên thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn. Việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

- Công ty không sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyển Đây là một hạn chế cần khắc phục của Công ty vì thực tế đã có nhiều trường hợp thủ tục mua bán thanh toán đã hoàn tất nhưng công ty vẫn chưa nhận được tiền, chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

- Trong nền kinh tế mở cửa hiện nay, quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế là tất yếu xảy ra tuy nhiên công ty vẫn chưa sử dụng tài khoản 1122 (Tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ) và TK 1112 (Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ). Công ty nên chính thức đưa ngoại tệ vào hạch toán.

- Hiện nay công ty chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ, nếu không có phần mềm xử lý thì rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc.

II. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại cty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh

Nâng cao hiệu quả đồng vốn bằng tiền chính là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh

mà còn phải hạn chế những tồn tại để từng bước hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền giúp việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả

Sau đây là một vài ý kiến đóng góp của em với công tác kế toán vốn bằng tiền tại cty CPTVĐT XLD Quang Linh:

2.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ sách

Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ nhật ký thu tiền và nhật ký chi tiền (mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền qua Ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung nhưng với biện pháp này những nghiệp vụ đã được ghi trong sổ nhật ký đặc biệt sẽ không cần ghi vào nhật ký chung nữa mà cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ nhật ký đặc biệt ghi một lần vào sổ cái.

Sau đây là 2 mẫu sổ nên bổ sung:

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S03a1 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK ...	Ghi Có các TK						
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tài khoản khác		
									Số tiền	Số hiệu	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E	
			Số trang trước chuyển sang								
			Cộng chuyển sang trang sau								

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S03a2 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK ...	Ghi Nợ các TK						
	Số hiệu	Ngày, tháng			...				Tài khoản khác		
					Số hiệu	Số tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E	
			Số trang trước chuyển sang								
			Cộng chuyển sang trang sau								

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2 Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi NH

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Bởi lẽ hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán như sai sót, gian lận, trộm cắp,...

2.3 Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – tiền đang chuyển vào hạch toán

Hiện nay Công ty không sử dụng tài khoản 113-Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào Ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện (trong nước hoặc nước ngoài) nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Thường thì doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua Ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Vì vậy Công ty nên đưa TK này hạch toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền.

2.4 Hoàn thiện việc đưa ngoại tệ vào hạch toán

Nhu cầu sử dụng ngoại tệ trong thanh toán ngày càng tăng, việc đưa các tài khoản vốn bằng tiền là ngoại tệ vào hạch toán là rất cần thiết. Vì vậy theo em doanh nghiệp nên đăng ký sử dụng thêm 02 tài khoản :

-1112 (Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ)

-1122 (Tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ)

2.5 Hoàn thiện việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán

Công ty cần trang bị cho phòng kế toán một phần mềm kế toán máy thống nhất nhằm tự động hoá ở mức độ cao nhất công tác hạch toán nói chung và công tác hạch toán vốn bằng tiền, nối mạng thông tin nội bộ để kế toán có thể nắm bắt, trao đổi và kiểm tra hệ thống thông tin khi cần thiết, đồng thời phải tổ chức đào tạo để nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán về chương trình kế toán máy nhằm quản lý chính xác được các con số.

Trên thị trường hiện nay, phần mềm kế toán MISA là phần mềm phổ biến nhất được nhiều doanh nghiệp tin tưởng lựa chọn. Trong đó phần mềm em cho là phù hợp với cty Quang Linh là phần mềm MISA SME.NET 2010



Khóa luận tốt nghiệp

Phần mềm này giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí đầu tư, thuận tiện trong sử dụng, trong đó có tính năng sử dụng online, tại mọi địa điểm có kết nối Inetnet, cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Internet hoặc mạng dùng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. MISA SME.NET 2010 có 13 phân hệ nghiệp vụ ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp.



Sản phẩm này không chỉ dành cho kế toán viên mà còn là công cụ giúp giám đốc doanh nghiệp luôn nắm rõ tình hình tài chính doanh nghiệp để ra quyết định đúng và kịp thời.

Trên đây là một số phương hướng hoàn thiện công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em xin mạnh dạn nêu ra. Mong rằng đó sẽ là những phương hướng đem lại hiệu quả cho Công ty trong tương lai.

Khóa luận tốt nghiệp

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay kế toán với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế - tài chính ở các doanh nghiệp phải thay đổi cho phù hợp với

tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý được tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó phải đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn, hoàn thành khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp điện Quang Linh”.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, thời gian thực tập có hạn nên không tránh khỏi những sai sót và hạn chế trong bài luận. Vì vậy em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo - thạc sỹ Đồng Thị Nga đã tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Oanh

Trịnh Thị Hoàng Oanh

